

LỊCH THI KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026 (KỲ THI PHỤ)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1	251INT32501	An toàn mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	7	13h30	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Minh Thi (60151)
2	251INT32504	An toàn mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Minh Thi (60151)
3	251INT32507	An toàn mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Minh Thi (60151)
4	251BIO31301	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT002	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)
5	251TRA40801	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	BPH005	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)
6	251TRA40802	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	BPH005	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)
7	251TRA40803	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	23/03/2026	BPH005	Phan Minh Châu (61148)
8	251MAR40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)
9	251MAR40409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Phương Mai (02011)
10	251FIN43201	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	13h30	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
11	251FIN43203	Bảo hiểm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	13h30	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
12	251PUR42307	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Thị Lợi (10006)
13	251PUR42312	Báo in và báo trực tuyến	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)
14	251INT440901	Bảo mật web và ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	3	08h00	16/03/2026	BPH005	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
15	251ENG40101	Biên dịch nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	DPH020	Trần Xuân Trang (60913)
16	251ENG49401	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)
17	251ENG33805	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đồng Thị Khánh Duyên (25027)
18	251JAP40201	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	2	08h00	16/03/2026	BPH010	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
19	251JAP40101	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	6	08h00	16/03/2026	BPH010	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
20	251ART20101	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Biểu diễn	3	13h30	19/03/2026	ANV305	Trần Xuân Trường (60738)
21	251TRA41001	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	DPH020	Trần Thanh Tuấn (61167)
22	251SOS20301	Các nền văn minh thế giới	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	15h10	16/03/2026	BMT004	Lê Trần Quang Khang (61421)
23	251PUR43303	Các thể loại báo chí	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Thị Tuyết Hương (61178)
24	251INT32101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	20	08h00	20/03/2026	BPH011	Dương Quang Triết (60165)
25	251INT32104	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	08h00	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
26	251INT32107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	22	08h00	20/03/2026	DPH020	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
27	251INT32110	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	9	08h00	20/03/2026	DPH020	Lương Thái Hiền (01005)
28	251NUR44201	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, hoặc đang cho con bú	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	2	09h40	24/03/2026	DPH022	Huỳnh Ngọc Phương Quế (61077)
29	251INR30501	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	08h00	24/03/2026	DPH022	Phan Thị Hải Yến (60888)
30	251POL10701	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	17	08h00	17/03/2026	BMT002	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
31	251POL10702	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	BMT002	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
32	251POL10703	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	08h00	17/03/2026	BMT002	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
33	251POL10704	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
34	251POL10705	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
35	251POL10706	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
36	251POL10707	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
37	251POL10708	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
38	251POL10709	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
39	251POL10710	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	17/03/2026	BMT004	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
40	251POL10711	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	08h00	17/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
41	251POL10712	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	17/03/2026	BMT004	Đoàn Xuân Toàn (60808)
42	251POL10713	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Ngọc Kim Ngân (60863)
43	251POL10714	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	8	08h00	17/03/2026	DMT010	Hồ Ngọc Vinh (60899)
44	251POL10715	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	17/03/2026	DMT010	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
45	251POL10716	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	13	08h00	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Thúy Duy (60770)
46	251POL10717	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
47	251POL10718	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	17/03/2026	DMT010	Phạm Đình Huấn (61408)
48	251POL10719	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	17/03/2026	DMT010	Phạm Đình Huấn (61408)
49	251POL10720	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	10	08h00	17/03/2026	DMT011	Tô Thanh My (60497)
50	251POL10721	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	17/03/2026	DMT011	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
51	251POL10722	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	17/03/2026	DMT011	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
52	251POL10723	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	17/03/2026	DMT011	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
53	251POL10724	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thúy Duy (60770)
54	251POL10725	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thúy Duy (60770)
55	251POL10726	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	08h00	17/03/2026	DMT011	Phạm Việt Em (61045)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
56	251POL10727	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	17/03/2026	DMT011	Phạm Việt Em (61045)
57	251POL10728	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	08h00	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Quế Diệu (04043)
58	251POL10729	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Quế Diệu (04043)
59	251POL10730	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	17/03/2026	DMT012	Trần Thị Huyền Trang (60786)
60	251INT31401	Cơ sở dữ liệu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	5	08h00	16/03/2026	BPH010	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
61	251INT31402	Cơ sở dữ liệu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	4	08h00	16/03/2026	BPH010	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
62	251INT31403	Cơ sở dữ liệu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	4	08h00	16/03/2026	BPH010	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
63	251INT31404	Cơ sở dữ liệu	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH010	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
64	251INT32301	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	08h00	16/03/2026	BPH008	Trần Văn Ngân (61155)
65	251INT32304	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	16/03/2026	BPH008	Đặng Văn Lực (60719)
66	251INT32307	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	16/03/2026	BPH008	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
67	251INT32310	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	08h00	16/03/2026	BPH008	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
68	251INT32313	Cơ sở dữ liệu	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	08h00	16/03/2026	BPH008	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
69	251FOT44701	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm và thực hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	4	15h10	17/03/2026	BPH010	Trần Phước Nhật Uyên (60246)
70	251INT412101	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	09h40	19/03/2026	HEC610	Lê Thanh Phong (60650)
71	251INT412104	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	09h40	19/03/2026	HEC610	Lương Thái Hiền (01005)
72	251TRA43401	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH005	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
73	251FOT43801	Công nghệ chế biến rau quả	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/03/2026	DPH022	Huỳnh Thành Đạt (60724)
74	251FOT44804	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	15h10	17/03/2026	BMT002	Lâm Đức Cường (60226)
75	251BIO44801	Công nghệ Enzyme	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT002	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)
76	251FOT44901	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/03/2026	DPH022	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
77	251FOT44907	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	2	09h40	24/03/2026	DPH022	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
78	251HOS41301	Đại cương khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	15h10	17/03/2026	BPH010	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
79	251FOT45201	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/03/2026	DPH022	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
80	251FOT45204	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/03/2026	DPH022	Phạm Thị Hồng Loan (60723)
81	251HOS41401	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	15h10	17/03/2026	BPH010	Tô Hồng Gấm (60506)
82	251PUR30603	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	2		28/03/2026		Phạm Thị Hương (04042)
83	251PUR30606	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thị Hương (04042)
84	251PUR30612	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thị Hương (04042)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
85	251PUR30614	Đạo đức nghề nghiệp PR	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thị Hương (04042)
86	251CHI45301	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC708	Trương Tư Triền (60286)
87	251CHI45303	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC708	Trương Tư Triền (60286)
88	251CHI45305	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	09h40	19/03/2026	HEC708	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
89	251CHI45307	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC708	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
90	251FIN44702	Đầu tư tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	17/03/2026	BPH010	Trần Mạnh Trí (60424)
91	251INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	13	08h00	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Quốc Thuận (60895)
92	251INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	08h00	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Quốc Thuận (60895)
93	251INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	08h00	16/03/2026	BMT002	Dương Quang Triết (60165)
94	251INT20104	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	08h00	16/03/2026	BMT002	Dương Quang Triết (60165)
95	251INT20105	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	08h00	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
96	251INT20106	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	08h00	16/03/2026	DMT012	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)
97	251INT20107	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	08h00	16/03/2026	DMT012	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
98	251INT20108	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	6	08h00	16/03/2026	DMT012	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
99	251INT20109	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	08h00	16/03/2026	DMT012	Đỗ Đình Trang (01011)
100	251INT20110	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	7	08h00	16/03/2026	DMT012	Đỗ Đình Trang (01011)
101	251INT20111	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	7	08h00	16/03/2026	DMT012	Trần Trung Tín (61258)
102	251INT20112	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	08h00	16/03/2026	DMT012	Trần Trung Tín (61258)
103	251TOU30101	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	7	09h40	19/03/2026	HEC610	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
104	251TOU30102	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	2	09h40	19/03/2026	HEC610	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
105	251HOS41002	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	09h40	18/03/2026	DPH023	Tô Hồng Gấm (60506)
106	251INT413101	Điện toán đám mây	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	15h10	16/03/2026	BMT004	Lê Thanh Phong (60650)
107	251INT413104	Điện toán đám mây	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	15h10	16/03/2026	BMT004	Lê Thanh Phong (60650)
108	251ELE32901	Điện tử số	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 60	7	13h30	16/03/2026	BPH005	Phan Văn Hiệp (01040)
109	241NUR42801	Điều dưỡng cơ bản 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	09H40	16/03/2026	BPH013	Trần Thị Huyền (60682)
110	251FOT43501	Dinh dưỡng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Bài tập lớn	1		28/03/2026		Đinh Thị Thủy (02162)
111	251HOS41201	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	15h10	18/03/2026	BPH009	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
112	251FIN40701	Định giá doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	18/03/2026	BPH009	Trần Mạnh Trí (60424)
113	251FIN40702	Định giá doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	18/03/2026	BPH009	Trần Mạnh Trí (60424)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
114	251ELE33404	Đo lường và thiết bị đo	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	1	08h00	25/03/2026	BPH011	Hồ Quốc Bảo (60932)
115	251TRA41201	Du lịch sinh thái	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC507	Đặng Hoàng Lan (61516)
116	251SOS20501	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	7	09h40	16/03/2026	BMT002	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
117	251SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	11	09h40	16/03/2026	BMT002	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
118	251SOS20503	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	09h40	16/03/2026	BMT002	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
119	251SOS20504	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BMT002	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
120	251SOS20505	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	13	09h40	16/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
121	251SOS20506	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	8	09h40	16/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
122	251SOS20507	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
123	251SOS20508	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	09h40	16/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)
124	251SOS20509	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	8	09h40	16/03/2026	DMT012	Trương Thị Thúy Hằng (04041), Nguyễn Thành Đạo (05007)
125	251SOS20510	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	09h40	16/03/2026	DMT012	Nguyễn Thành Đạo (05007), Phạm Thị Thanh Hòa (60250), Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
126	251SOS20511	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	8	09h40	16/03/2026	DMT012	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
127	251ORI30701	Hán tự học tổng hợp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	5	09h40	26/03/2026	DPH017	Nguyễn Công Nguyên (25084)
128	251BUS41701	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	7	15h10	24/03/2026	BPH112	Phạm Phương Mai (02011)
129	251BUS41702	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	15h10	24/03/2026	BPH112	Phạm Phương Mai (02011)
130	251BUS41703	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	15h10	24/03/2026	BPH112	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
131	251BUS41705	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	15h10	24/03/2026	BPH112	Đỗ Thị Hiền (61315)
132	251BUS41708	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	15h10	24/03/2026	BPH112	Trần Thanh Quân (60375)
133	251BUS41709	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	15h10	24/03/2026	BPH112	Mai Thị Hồng Đào (02109)
134	251BUS41710	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	15h10	24/03/2026	BPH112	Mai Thị Hồng Đào (02109)
135	251BUS41711	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	15h10	24/03/2026	BPH112	Mai Thị Hồng Đào (02109)
136	251BUS41712	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	15h10	24/03/2026	BPH112	Mai Thị Hồng Đào (02109)
137	251BUS41713	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
138	251BUS41714	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
139	251BUS41715	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
140	251BUS41716	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Đỗ Thị Hiền (61315)
141	251BUS41717	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	17/03/2026	BPH111	Phạm Thị Diễm (07039)
142	251BUS41718	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	17/03/2026	BPH111	Phạm Thị Diễm (07039)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
143	251BUS41719	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Phạm Thị Diễm (07039)
144	251BUS41720	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Trần Thanh Quân (60375)
145	251BUS41721	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)
146	251BUS41722	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Quang Vinh (61090)
147	251BUS41723	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Quang Vinh (61090)
148	251BUS41724	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Quang Vinh (61090)
149	251BUS41725	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Quang Vinh (61090)
150	251BUS41726	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Quang Vinh (61090)
151	251BUS41728	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)
152	251BUS41729	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)
153	251BUS41730	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)
154	251BUS41731	Hành vi tổ chức	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	17/03/2026	BPH111	Nguyễn Thị Anh Thư (61211)
155	251INT41601	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	8	09h40	25/03/2026	BPH104	Hồ Văn Ngọc (01028)
156	251INT41602	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	5	09h40	25/03/2026	BPH104	Trần Phong Vũ (60645)
157	251INT41603	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	9	09h40	25/03/2026	BPH104	Hồ Văn Ngọc (01028)
158	251INT41604	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	7	09h40	25/03/2026	BPH104	Trần Phong Vũ (60645)
159	251INT41605	Hệ điều hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	3	09h40	25/03/2026	BPH104	Hồ Văn Ngọc (01028), Nguyễn Thanh Truyền (60980)
160	251INT440301	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	15h10	18/03/2026	BPH012	Trần Thanh Tú (60674)
161	251INT440304	Hệ điều hành Linux	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	8	15h10	18/03/2026	BPH012	Trần Thanh Tú (60674)
162	251INT440801	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	08h00	16/03/2026	BPH008	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
163	251ART37101	Hòa âm 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Tổng hợp	5	09h40	26/03/2026	BPH005	Đặng Thanh Liêm (26016)
164	251FOT31701	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	3	09h40	24/03/2026	DPH022	Lâm Đức Cường (60226)
165	251SOS30401	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	6	15h10	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
166	251SOS30402	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	15h10	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
167	251SOS30403	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Trần Hùng Minh Phương (60465)
168	251SOS30404	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Trần Hùng Minh Phương (60465)
169	251SOS30405	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Lê Trần Quang Khang (61421)
170	251SOS30406	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Lê Trần Quang Khang (61421)
171	251SOS30407	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	15h10	19/03/2026	HEC508	Lê Trần Quang Khang (61421)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
172	251SOS30408	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	15h10	19/03/2026	HEC508	Lê Trần Quang Khang (61421)
173	251CHI45401	HSK cao cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	24/03/2026	DPH022	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
174	251CHI45403	HSK cao cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	24/03/2026	DPH022	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
175	251ACC43801	Kế toán chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	09h40	19/03/2026	HEC708	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
176	251ACC43805	Kế toán chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	09h40	19/03/2026	HEC708	Võ Tấn Liêm (60142)
177	251ACC43807	Kế toán chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	09h40	19/03/2026	HEC708	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
178	251ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	26/03/2026	BPH005	Dương Thị Huyền Trân (60698)
179	251ACC42501	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	08h00	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Thành Long (02038)
180	251ACC42502	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	08h00	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Thành Long (02038)
181	251ACC42503	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	08h00	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Văn Thầy (61310)
182	251ACC42506	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	13	08h00	25/03/2026	BPH011	Phan Thị Lan Phương (60519)
183	251ACC42507	Kế toán ngân hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	12	08h00	25/03/2026	BPH011	Phan Thị Lan Phương (60519)
184	251ACC40901	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	25/03/2026	BPH011	Nguyễn Đức Hải (06003)
185	251ACC40902	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	9	09h40	25/03/2026	BPH011	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
186	251ACC40903	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	6	09h40	25/03/2026	BPH011	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
187	251ACC40904	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	25/03/2026	BPH011	Võ Tấn Liêm (60142)
188	251ACC40905	Kế toán quản trị	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	6	09h40	25/03/2026	BPH011	Võ Tấn Liêm (60142)
189	251ACC43901	Kế toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	26/03/2026	BPH005	Võ Tấn Liêm (60142)
190	251ACC43902	Kế toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	26/03/2026	BPH005	Võ Tấn Liêm (60142)
191	251ACC43501	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	09h40	16/03/2026	BPH012	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
192	251ACC43503	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	19	09h40	16/03/2026	BPH012	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
193	251ACC43505	Kế toán tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	09h40	16/03/2026	BPH012	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
194	251ACC43701	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	17	09h40	17/03/2026	BPH011	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
195	251ACC43703	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	09h40	17/03/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
196	251ACC43705	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	09h40	17/03/2026	DPH020	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
197	251ACC43707	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	12	09h40	17/03/2026	DPH020	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
198	242ACC43613	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09H40	17/03/2026	DPH020	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
199	243ACC43601	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09H40	17/03/2026	DPH020	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
200	251ACC43101	Kế toán xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	15h10	18/03/2026	BPH009	Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
201	251INT418101	Khai phá dữ liệu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	6	13h30	25/03/2026	DPH020	Phạm Trọng Huynh (60773)
202	251TRA40701	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	15h10	18/03/2026	BPH009	Trần Thanh Tuấn (61167)
203	251ACC44001	Kiểm soát nội bộ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	13h30	20/03/2026	BPH010	Bùi Thị Trúc Quy (61480)
204	251ACC44103	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)
205	251ACC41201	Kiểm toán căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC705	Nguyễn Tấn Quang (60783)
206	251ACC41302	Kiểm toán nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	26/03/2026	BPH005	Nguyễn Tấn Quang (60783)
207	251ACC41303	Kiểm toán nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	26/03/2026	BPH005	Chu Mỹ Hạnh (02078)
208	251ACC41304	Kiểm toán nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	26/03/2026	BPH005	Đào Văn Hào (60784)
209	251ACC41305	Kiểm toán nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	26/03/2026	BPH005	Đào Văn Hào (60784)
210	251INT30401	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT002	Đỗ Đình Trang (01011)
211	251INT30402	Kiến trúc máy tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	13h30	16/03/2026	BMT002	Đỗ Đình Trang (01011)
212	251TRA41601	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	20/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Nhuận (61400)
213	251POL10601	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	12	13h30	17/03/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
214	251POL10602	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
215	251POL10603	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
216	251POL10604	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	BMT002	Võ Thị Kim Loan (61053)
217	251POL10605	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	5	13h30	17/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
218	251POL10606	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	10	13h30	17/03/2026	BMT004	Nguyễn Văn Bùng (60599), Phạm Việt Em (61045)
219	251POL10607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	6	13h30	17/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Lịch (60601)
220	251POL10608	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	7	13h30	17/03/2026	BMT004	Nguyễn Văn Bùng (60599), Nguyễn Thị Thu Túy (60811)
221	251POL10609	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	BMT004	Hồ Ngọc Khương (60311)
222	251POL10610	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	BMT004	Hồ Ngọc Khương (60311)
223	251POL10611	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
224	251POL10614	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT010	Đoàn Xuân Toàn (60808)
225	251POL10615	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
226	251POL10616	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
227	251POL10617	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
228	251POL10618	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
229	251POL10619	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	6	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
230	251POL10620	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	5	13h30	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
231	251POL10621	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
232	251POL10622	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
233	251POL10623	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
234	251POL10624	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
235	251POL10625	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
236	251POL10626	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
237	251POL10627	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	1	13h30	17/03/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
238	251POL10628	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT011	Huỳnh Văn Giàu (05050)
239	251POL10630	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	7	13h30	17/03/2026	DMT011	Huỳnh Văn Giàu (05050)
240	251POL10631	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	10	13h30	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thúy Duy (60770)
241	251POL10632	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thúy Duy (60770)
242	251POL10633	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Lịch (60601)
243	251POL10634	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Lịch (60601)
244	251POL10635	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT011	Phạm Việt Em (61045)
245	251POL10636	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	4	13h30	17/03/2026	DMT011	Huỳnh Văn Giàu (05050)
246	251POL10637	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT012	Huỳnh Văn Giàu (05050)
247	251POL10638	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	6	13h30	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)
248	251POL10639	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	5	13h30	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)
249	251POL10640	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	3	13h30	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thu Túy (60811)
250	251POL10641	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	2	13h30	17/03/2026	DMT012	Văn Khắc Vũ (61407)
251	251POL10642	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	7	13h30	17/03/2026	DMT012	Văn Khắc Vũ (61407)
252	251POL10643	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Trắc nghiệm	9	13h30	17/03/2026	DMT012	Văn Khắc Vũ (61407)
253	251ECO20101	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	12	09h40	24/03/2026	BPH010	Dương Thế Duy (61062)
254	251ECO20102	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	10	09h40	24/03/2026	BPH010	Dương Thế Duy (61062)
255	251ECO20103	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	09h40	24/03/2026	BPH011	Dương Thế Duy (61062)
256	251ECO20104	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	8	09h40	24/03/2026	BPH011	Dương Thế Duy (61062)
257	251ECO20105	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	09h40	24/03/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)
258	251ECO20106	Kinh tế học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	09h40	24/03/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
259	251ECO30201	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	11	15h10	23/03/2026	BPH111	Hoàng Sơn Tùng (60359)
260	251ECO30202	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	18	15h10	23/03/2026	BPH111	Hoàng Sơn Tùng (60359)
261	251ECO30203	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	15h10	23/03/2026	BPH010	Võ Thái Hiệp (61444)
262	251ECO30204	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	15h10	23/03/2026	BPH010	Võ Thái Hiệp (61444)
263	251ECO30205	Kinh tế lượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	10	15h10	23/03/2026	BPH010	Võ Thái Hiệp (61444)
264	251ECO30301	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	16/03/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
265	251ECO30302	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
266	251ECO30303	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	6	09h40	16/03/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
267	251ECO30304	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
268	251ECO30305	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	16/03/2026	BPH008	Đinh Nguyệt Bích (02147)
269	251ECO30306	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	16/03/2026	BPH008	Đinh Nguyệt Bích (02147)
270	251ECO30307	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	9	09h40	16/03/2026	BPH008	Hồ Cao Việt (02035)
271	251ECO30308	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH008	Hồ Cao Việt (02035)
272	251ECO30309	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	16/03/2026	BPH008	Võ Thái Hiệp (61444)
273	251ECO30310	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH008	Võ Thái Hiệp (61444)
274	251ECO30311	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH008	Dương Thế Duy (61062)
275	251ECO30312	Kinh tế vi mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	16/03/2026	BPH008	Dương Thế Duy (61062)
276	251ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	BPH011	Đoàn Thị Vân (27003)
277	251ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	20/03/2026	BPH011	Đoàn Thị Vân (27003)
278	251ECO30403	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	BPH011	Đoàn Thị Vân (27003)
279	251ECO30404	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
280	251ECO30405	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
281	251ECO30406	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
282	251ECO30407	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
283	251ECO30408	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
284	251ECO30410	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	1	09h40	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
285	251ECO30411	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	20/03/2026	DPH020	Hồ Cao Việt (02035)
286	251ECO30412	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	20/03/2026	DPH020	Hồ Cao Việt (02035)
287	251ECO30413	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	5	09h40	20/03/2026	DPH020	Hồ Cao Việt (02035)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
288	251ECO30414	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	20/03/2026	DPH020	Hồ Cao Việt (02035)
289	251ECO30415	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	20/03/2026	DPH020	Hồ Cao Việt (02035)
290	251ECO30416	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	09h40	20/03/2026	DPH020	Trương Ngọc Hào (61278)
291	251ECO30417	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
292	251ECO30418	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	09h40	20/03/2026	DPH020	Trương Ngọc Hào (61278)
293	251ECO30419	Kinh tế vĩ mô	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	6	09h40	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Việt Thắng (60778)
294	251SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	14	15h10	23/03/2026	DPH017	Phạm Thu Phượng (25049)
295	251SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	15h10	23/03/2026	DPH017	Phan Thị Hải Yến (60888)
296	251SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	15h10	23/03/2026	DPH017	Phạm Quốc Hưng (05002)
297	251SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	5	15h10	23/03/2026	DPH017	Phạm Thu Phượng (25049)
298	251SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	4	15h10	23/03/2026	DPH017	Lê Thị Nam Phương (60436)
299	251SOS10106	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	5	15h10	23/03/2026	DPH022	Lê Thị Nam Phương (60436)
300	251SOS10107	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	10	15h10	23/03/2026	DPH022	Võ Minh Hùng (61136)
301	251SOS10108	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	7	15h10	23/03/2026	DPH022	Võ Minh Hùng (61136)
302	251SOS10109	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	15h10	23/03/2026	DPH022	Võ Minh Hùng (61136)
303	251SOS10110	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	4	15h10	23/03/2026	DPH022	Phạm Thu Phượng (25049)
304	251SOS10111	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	8	15h10	23/03/2026	DPH022	Phạm Thu Phượng (25049)
305	251SOS10112	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	7	15h10	23/03/2026	BPH014	Phạm Thu Phượng (25049)
306	251SOS10113	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	10	15h10	23/03/2026	BPH014	Phạm Thu Phượng (25049)
307	251SOS10114	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	15h10	23/03/2026	BPH014	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
308	251SOS10115	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	5	15h10	23/03/2026	BPH014	Võ Minh Hùng (61136)
309	251SOS10116	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	15h10	23/03/2026	BPH014	Lê Thị Nam Phương (60436)
310	251SOS10117	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	9	15h10	23/03/2026	BPH107	Lê Thị Nam Phương (60436)
311	251SOS10118	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	5	15h10	23/03/2026	BPH107	Lê Trần Quang Khang (61421)
312	251SOS10119	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	15h10	23/03/2026	BPH107	Lê Trần Quang Khang (61421)
313	251SOS10120	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	1	15h10	23/03/2026	BPH107	Phạm Quốc Hưng (05002)
314	251SOS10121	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	6	15h10	23/03/2026	BPH107	Phạm Quốc Hưng (05002)
315	251SOS10122	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	9	15h10	23/03/2026	BPH107	Phạm Quốc Hưng (05002)
316	251SOS10123	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	8	15h10	23/03/2026	BPH107	Phạm Quốc Hưng (05002)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
317	251CHI32601	Kỹ năng đọc - viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	26/03/2026	DPH023	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
318	251NUR42701	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Nguyễn Phi Hùng (60340)
319	251SKL20201	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Huy Cường (02023)
320	251SKL20216	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thu Phương (25049)
321	251SKL20224	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thùy Nương (60951)
322	251ICH142701	Kỹ năng Nói 1	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Vấn đáp	1	08h00	17/03/2026	BPH008	Âu Tuyền Diệu (60620)
323	251ICH142901	Kỹ năng Nói 3	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Vấn đáp	3	08h00	17/03/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
324	251SKL20301	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		28/03/2026		La Thị Hồng Loan (25106)
325	251VIE20104	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Hồ Văn Quốc (04129)
326	251VIE20105	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trương Thị Thúy Hằng (04041)
327	251VIE20106	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn A Say (11006)
328	251VIE20117	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Thị Thúy Hằng (60906)
329	251MMC41806	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh (60493)
330	251NUR40701	Ký sinh trùng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Phú Vinh (61028)
331	251NUR40702	Ký sinh trùng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Phú Vinh (61028)
332	251FOT43601	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	DMT012	Lâm Đức Cường (60226)
333	251INT30501	Kỹ thuật lập trình	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	4	09h40	16/03/2026	BPH005	Dương Thái Bảo (60940)
334	251INT30502	Kỹ thuật lập trình	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	1	09h40	16/03/2026	BPH005	Dương Thái Bảo (60940)
335	251CHI35101	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	15h10	18/03/2026	BPH012	Hoàng Văn Cường (25128)
336	251CHI35102	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	7	15h10	18/03/2026	BPH012	Hoàng Văn Cường (25128)
337	251FOT30301	Kỹ thuật thực phẩm 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 60	3	09h40	16/03/2026	BPH005	Trần Phước Nhật Uyên (60246)
338	251ELE33001	Kỹ thuật vi điều khiển	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	1	13h30	20/03/2026	BPH010	Hồ Nhật Minh (60390)
339	251ART31602	Kỹ xướng âm 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Thực hành	1	09h40	18/03/2026	ANV305	Trương Thị Ngọc Bích (26013)
340	251INT32401	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	4	15h10	20/03/2026	DPH020	Quách Anh Dũng (01014)
341	251INT32404	Lập trình C++	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	6	15h10	20/03/2026	DPH020	Quách Anh Dũng (01014)
342	251INT32407	Lập trình C++	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	6	15h10	20/03/2026	DPH020	Quách Anh Dũng (01014)
343	251INT440401	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	13h30	20/03/2026	BPH011	Đỗ Đình Trang (01011)
344	251INT440404	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	13h30	20/03/2026	BPH011	Đỗ Đình Trang (01011)
345	251INT440601	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	7	15h10	20/03/2026	BPH010	Đặng Văn Lực (60719)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
346	251INT440604	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	15h10	20/03/2026	BPH010	Đặng Văn Lực (60719)
347	251INT440607	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	15h10	20/03/2026	BPH010	Cao Hoàng Khải (61279)
348	251INT32201	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	08h00	25/03/2026	DPH022	Đặng Ngọc Thơm (61158)
349	251INT32204	Lập trình Java	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	22	08h00	25/03/2026	DPH022	Hồ Văn Ngọc (01028), Trần Văn Ngân (61155)
350	251INT486104	Lập trình mạng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3		28/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)
351	251INT440704	Lập trình web	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)
352	251LAW42101	Lập và quản lý dự án đầu tư	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Thị Diễm Nga (60890)
353	251POL10801	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	18	09h40	17/03/2026	BMT002	Trịnh Văn Vinh (61018)
354	251POL10802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	09h40	17/03/2026	BMT002	Trịnh Văn Vinh (61018)
355	251POL10803	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	17/03/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
356	251POL10804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
357	251POL10805	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	17/03/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
358	251POL10806	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	09h40	17/03/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
359	251POL10807	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	10	09h40	17/03/2026	BMT004	Trịnh Văn Vinh (61018)
360	251POL10808	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	17/03/2026	DMT010	Trịnh Văn Vinh (61018)
361	251POL10809	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
362	251POL10810	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
363	251POL10811	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
364	251POL10812	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
365	251POL10813	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
366	251POL10814	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	09h40	17/03/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
367	251POL10815	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vương (05006)
368	251POL10816	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	8	09h40	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vương (05006)
369	251POL10817	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vương (05006)
370	251POL10818	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	14	09h40	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vương (05006)
371	251POL10819	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	09h40	17/03/2026	DMT011	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
372	251POL10820	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	17/03/2026	DMT011	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
373	251POL10821	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	17/03/2026	DMT012	Trịnh Văn Vinh (61018)
374	251POL10822	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	17/03/2026	DMT012	Trịnh Văn Vinh (61018)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
375	251POL10823	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	09h40	17/03/2026	DMT012	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
376	251POL10824	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	17/03/2026	DMT012	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
377	251POL10825	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	09h40	17/03/2026	DMT012	Đặng Thị Minh Phượng (61050)
378	251POL10826	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	09h40	17/03/2026	DMT012	Ngô Thị Hân (61218)
379	251POL10827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	09h40	17/03/2026	DMT012	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
380	251SOS30101	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	08h00	24/03/2026	DPH022	Phan Thị Hải Yến (60888)
381	251ELE32601	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 60	7	13h30	25/03/2026	DPH020	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)
382	251ELE32604	Linh kiện điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 60	2	13h30	25/03/2026	DPH020	Đinh Thị Khả Hân (60974)
383	251CHI45501	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Diệp Tuyết Vân (60342)
384	251CHI45502	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Diệp Tuyết Vân (60342)
385	251CHI45503	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Diệp Tuyết Vân (60342)
386	251LAW30501	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Hữu Thành (60341)
387	251LAW30502	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Hữu Thành (60341)
388	251LAW30503	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Hữu Thành (60341)
389	251LAW30504	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	5	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Viết Tú (60355)
390	251LAW43001	Luật dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	09h40	26/03/2026	DPH023	Bùi Thanh Vũ (60848)
391	251LAW43002	Luật dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	5	09h40	26/03/2026	DPH023	Bùi Thanh Vũ (60848)
392	251LAW42401	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	18/03/2026	BPH111	Chu Mạnh Hiến (60357)
393	251LAW42402	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	18/03/2026	BPH111	Chu Mạnh Hiến (60357)
394	251LAW40501	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thanh Việt (61331)
395	251LAW40502	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Vinh Huy (61359)
396	251LAW40503	Luật doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Viết Tú (60355)
397	243TOU30901	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15H10	24/03/2026	BPH111	Trịnh Tường Khiêm (60996)
398	243TOU30903	Luật du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15H10	24/03/2026	BPH111	Trần Kiều Nhi (61019)
399	251LAW30401	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)
400	251LAW30402	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)
401	251LAW30403	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)
402	251LAW30404	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)
403	251LAW30405	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
404	251LAW30406	Luật hiến pháp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	20/03/2026	HEC508	Vũ Thị Nga (60542)
405	251LAW43201	Luật hôn nhân gia đình	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	15h10	24/03/2026	BPH111	Nguyễn Thuận An (60356)
406	251PSY45001	Luật lao động	3.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	7	15h10	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Hữu Thành (60341)
407	251PSY45002	Luật lao động	3.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC507	Chu Mạnh Hiến (60357)
408	251PSY45003	Luật lao động	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC507	Chu Mạnh Hiến (60357)
409	251PSY45004	Luật lao động	3.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC507	Chu Mạnh Hiến (60357)
410	251PSY45005	Luật lao động	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	5	15h10	19/03/2026	HEC507	Chu Mạnh Hiến (60357)
411	251LAW40802	Luật môi trường	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đỗ Trọng Hiền (60545)
412	251LAW43301	Luật tài sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	15h10	23/03/2026	BPH014	Trần Thanh Hà (61284)
413	251LAW43302	Luật tài sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	15h10	23/03/2026	BPH014	Nguyễn Mạnh Cường (60801)
414	251LAW42301	Luật thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	24/03/2026	BPH111	Nguyễn Thuận An (60356)
415	251LAW42302	Luật thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	15h10	24/03/2026	BPH111	Nguyễn Thuận An (60356)
416	251LAW40901	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Việt Tú (60355)
417	251LAW40902	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Việt Tú (60355)
418	251LAW40903	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC508	Trần Kiều Nhi (61019)
419	251LAW40904	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	15h10	19/03/2026	HEC508	Trần Kiều Nhi (61019)
420	251LAW40905	Luật thương mại điện tử	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	15h10	19/03/2026	HEC508	Trần Kiều Nhi (61019)
421	251BUS43201	Luật thương mại quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH012	Trần Kiều Nhi (61019)
422	251BUS43202	Luật thương mại quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH012	Trần Kiều Nhi (61019)
423	251BUS43203	Luật thương mại quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	09h40	16/03/2026	BPH012	Trần Kiều Nhi (61019)
424	251LAW43101	Luật tố tụng dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	09h40	25/03/2026	BPH012	Chu Mạnh Hiến (60357)
425	251LAW43102	Luật tố tụng dân sự	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	4	09h40	25/03/2026	BPH012	Chu Mạnh Hiến (60357)
426	242LAW43601	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thị Long Bình (61114)
427	251CHI44201	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	19/03/2026	HEC507	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
428	251CHI44202	Lý thuyết dịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC507	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
429	251JAP42801	Lý thuyết dịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 60	8	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Công Nguyên (25084)
430	251FIN30101	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)
431	251FIN30102	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)
432	251FIN30103	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
433	251FIN30104	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)
434	251FIN30105	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)
435	251FIN30106	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	DMT012	Bùi Minh Tiết (61029)
436	251FIN30107	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	23/03/2026	DMT012	Nguyễn Vũ Duy (61185)
437	251FIN30108	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	23/03/2026	DMT012	Nguyễn Vũ Duy (61185)
438	251FIN30109	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	DMT012	Nguyễn Ngọc Dung (61296)
439	251FIN30110	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	DMT012	Nguyễn Ngọc Dung (61296)
440	251FIN30111	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	23/03/2026	DMT012	Nguyễn Ngọc Dung (61296)
441	251ELE30803	Mạch điện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	1	15h10	25/03/2026	BPH009	Hồ Quốc Bảo (60932)
442	251INT440101	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	20	09h40	18/03/2026	DPH023	Hồ Văn Ngọc (01028)
443	251INT440104	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	19	09h40	18/03/2026	BPH111	Hồ Văn Ngọc (01028), Nguyễn Thanh Truyền (60980)
444	251INT440107	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	15	09h40	18/03/2026	BPH111	Hồ Văn Ngọc (01028)
445	251INT440110	Mạng máy tính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	22	09h40	18/03/2026	DPH017	Hồ Văn Ngọc (01028), Trần Văn Ngân (61155)
446	251MAR20107	Marketing căn bản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	2		28/03/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)
447	251MAR41408	Marketing quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)
448	251MAR41411	Marketing quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)
449	251MAR41601	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	8	09h40	25/03/2026	DPH022	Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)
450	251MAR41602	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	6	09h40	25/03/2026	DPH022	Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)
451	251MAR41603	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	09h40	25/03/2026	DPH022	Trần Hữu Ái (02032)
452	251MAR41604	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	6	09h40	25/03/2026	DPH022	Trần Hữu Ái (02032)
453	251MAR41605	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	8	09h40	25/03/2026	DPH022	Trần Hữu Ái (02032)
454	251MAR41606	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	6	09h40	25/03/2026	DPH022	Trần Hữu Ái (02032)
455	251INT489101	Mật mã học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	9	13h30	20/03/2026	BPH010	Phan Thành Huấn (60987)
456	251INT489104	Mật mã học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	13h30	20/03/2026	BPH010	Dương Thái Bảo (60940)
457	251NAS10108	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)
458	251NAS10116	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Văn Hiệp (01040)
459	251NAS10145	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
460	251NAS10148	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)
461	251NAS10151	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lý Liệt Thanh (60747)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
462	251NAS10159	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	2		28/03/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
463	251NAS10170	Môi trường và con người	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Võ Đình Thuật (61030)
464	251SOS20601	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	13	15h10	16/03/2026	BPH014	Đoàn Trọng Thiệu (04002)
465	251SOS20602	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	10	15h10	16/03/2026	BPH014	Đoàn Trọng Thiệu (04002)
466	251SOS20603	Mỹ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	9	15h10	16/03/2026	BPH014	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
467	251ENG33201	Nghe - nói trong thương mại 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC705	Trần Thị Thùy Trang (61289)
468	251TRA41701	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	15h10	25/03/2026	BPH009	Trần Thanh Tuấn (61167)
469	251TRA41702	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	15h10	25/03/2026	BPH009	Trần Thanh Tuấn (61167)
470	251GRA41901	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Quốc Toàn (60754)
471	251GRA41910	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	2		28/03/2026		Đỗ Minh Trung (60885)
472	251PUR43404	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Ngọc Mỹ (61044)
473	251PUR43406	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Thị Xuân (60429)
474	251PUR43411	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)
475	251ECO31402	Nghiên cứu marketing	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)
476	251HOS40802	Nghiệp vụ buồng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	2	15h10	25/03/2026	BPH009	Nguyễn Thúy Vy (03119)
477	251TRA30201	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC608	Lê Hồng Vương (61024)
478	251TRA30202	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC608	Lê Hồng Vương (61024)
479	251TRA30203	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC608	Du Quốc Đạo (60734)
480	251TRA30204	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	1	09h40	20/03/2026	HEC608	Du Quốc Đạo (60734)
481	251TRA30205	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC608	Phan Trần Tuyên (60059)
482	251TRA30206	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Vấn đáp	8	09h40	20/03/2026	HEC608	Phan Trần Tuyên (60059)
483	251CUL30122	Ngoại giao văn hóa	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	3		28/03/2026		Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
484	251SOS30217	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Xuân Trang (60913)
485	251ENG48901	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	1	09h40	25/03/2026	DPH017	Lê Thanh Hòa (61027)
486	251ENG48903	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	3	09h40	25/03/2026	DPH017	Lê Thanh Hòa (61027)
487	251ENG48905	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	3	09h40	25/03/2026	DPH017	Phạm Minh Toàn 2 (61311)
488	251ENG48907	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	4	09h40	25/03/2026	DPH017	Nguyễn Thanh Hải (60704)
489	251ENG48909	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	2	09h40	25/03/2026	DPH017	Nguyễn Thanh Hải (60704)
490	251ENG48911	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	6	09h40	25/03/2026	DPH017	Phạm Minh Toàn 2 (61311)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
491	251ENG48913	Ngữ âm - Âm vị học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	7	09h40	25/03/2026	DPH017	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
492	251JAP43002	Ngữ âm học tiếng Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	17/03/2026	BPH005	Cao Thị Phương Thảo (25042)
493	251LIT32601	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	15h10	25/03/2026	BPH009	Lê Khắc Cường (04068)
494	251LIT32603	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Đại học	Chính quy		Tự luận 90	2	15h10	25/03/2026	BPH009	Lê Khắc Cường (04068)
495	251ENG49001	Ngữ nghĩa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	3	15h10	25/03/2026	BPH009	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
496	251ENG49003	Ngữ nghĩa học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	4	15h10	25/03/2026	BPH009	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
497	251ACC20201	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	22	13h30	23/03/2026	BPH005	Dương Thị Huyền Trân (60698)
498	251ACC20202	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	19	13h30	23/03/2026	DPH023	Dương Thị Huyền Trân (60698)
499	251ACC20203	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	22	13h30	23/03/2026	DPH023	Dương Thị Huyền Trân (60698)
500	251ACC20204	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	BPH009	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
501	251ACC20205	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	13h30	23/03/2026	BPH009	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
502	251ACC20206	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	13h30	23/03/2026	BPH009	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
503	251ACC20207	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	23/03/2026	BPH009	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
504	251ACC20208	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	10	13h30	23/03/2026	DPH022	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
505	251ACC20209	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	23/03/2026	DPH022	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
506	251ACC20210	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	13h30	23/03/2026	DPH022	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
507	251ACC20211	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	23/03/2026	DPH022	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
508	251ACC20212	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	DPH022	Võ Tấn Liêm (60142)
509	251ACC20213	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	13h30	23/03/2026	BPH014	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
510	251ACC20214	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	BPH014	Nguyễn Đức Hải (06003)
511	251ACC20215	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	18	13h30	23/03/2026	BPH014	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
512	251ACC20216	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	13h30	23/03/2026	BPH011	Võ Tấn Liêm (60142)
513	251ACC20217	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	16	13h30	23/03/2026	BPH011	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
514	251ACC20218	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	23/03/2026	BPH011	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
515	251ACC20219	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	11	13h30	23/03/2026	BPH010	Dương Thị Huyền Trân (60698)
516	251ACC20220	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	16	13h30	23/03/2026	BPH010	Dương Thị Huyền Trân (60698)
517	251ACC20221	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	23/03/2026	BPH013	Võ Tấn Liêm (60142)
518	251ACC20222	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	13h30	23/03/2026	BPH013	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
519	251ACC20223	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	6	13h30	23/03/2026	BPH013	Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
520	251ACC20224	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	23/03/2026	BPH013	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
521	251ACC20225	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	5	13h30	23/03/2026	BPH013	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
522	251ACC20226	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	13h30	23/03/2026	BPH013	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
523	251ACC20227	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	18	13h30	23/03/2026	BPH104	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
524	251ACC20228	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	13h30	23/03/2026	BPH104	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
525	251ACC20229	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	13h30	23/03/2026	BPH104	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
526	251ACC20230	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	13h30	23/03/2026	BPH104	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
527	251ACC20231	Nguyên lý kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	13h30	23/03/2026	BPH104	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
528	251LIT30401	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	4	13h30	19/03/2026	HEC509	Đoàn Trọng Thiều (04002)
529	251LIT30402	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	4	13h30	19/03/2026	HEC509	Đoàn Trọng Thiều (04002)
530	251LIT30403	Nguyên lý lý luận văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	13h30	19/03/2026	HEC509	Đoàn Trọng Thiều (04002)
531	251BIO31101	Nhập môn ngành Công nghệ sinh học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	2	15h10	16/03/2026	BMT002	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)
532	251FIN30901	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Báo cáo	1		28/03/2026		Trần Mạnh Trí (60424)
533	251FOT30102	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	15h10	17/03/2026	DMT019	Lâm Đức Cường (60226)
534	251NUR30101	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Tự luận 60	1	08h00	24/03/2026	DPH022	Trần Thị Huyền (60682)
535	251NUR30102	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Tự luận 60	9	08h00	24/03/2026	DPH022	Trần Thị Huyền (60682)
536	251NUR30103	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Tự luận 60	6	08h00	24/03/2026	DPH022	Nguyễn Phi Hùng (60340)
537	251NUR30104	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Tự luận 60	11	08h00	24/03/2026	DPH022	Nguyễn Phi Hùng (60340)
538	251ACC30202	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	13h30	25/03/2026	DPH020	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
539	251ACC30203	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	13h30	25/03/2026	DPH020	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
540	251ACC30204	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	13h30	25/03/2026	DPH020	Vũ Thanh Long (02007)
541	251SUC30108	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đặng Thành Luân (61025)
542	251SUC30109	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đặng Thành Luân (61025)
543	251LAW30101	Nhập môn ngành Luật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	25/03/2026	BPH012	Nguyễn Thành Nhất (60543)
544	251LAW30102	Nhập môn ngành Luật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	09h40	25/03/2026	BPH012	Nguyễn Thanh Việt (61331)
545	251LAW30103	Nhập môn ngành Luật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	09h40	25/03/2026	BPH012	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
546	251LAW30301	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Cao Hồng Quân (61483)
547	251LAW30302	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	25/03/2026	DPH017	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
548	251JAP30302	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	24/03/2026	BPH111	Phan Thị Kim Hiện (60461)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
549	251ART36401	Nhập môn ngành Piano	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Thực hành	1	13h30	24/03/2026	ANV304	Huỳnh Hoàng Cư (26003)
550	251MAN30202	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)
551	251FIN30204	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Báo cáo	1		28/03/2026		Trương Trung Hiếu (61344)
552	251PSY30401	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	20	08h00	17/03/2026	BPH110	Phạm Thị Hồng Thái (04014)
553	251PSY30403	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	34	08h00	17/03/2026	BPH111	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
554	251PSY30404	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	08h00	17/03/2026	BPH110	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
555	251PSY30405	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	08h00	17/03/2026	BPH110	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
556	251PSY30406	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	08h00	17/03/2026	BPH110	Nguyễn Thị Đỗ Quyền (60961)
557	251PSY30407	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	6	08h00	17/03/2026	BPH110	Phạm Thị Hồng Thái (04014)
558	251PSY30409	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	08h00	17/03/2026	BPH110	Nguyễn Thị Đỗ Quyền (60961)
559	251MMC30110	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Nguyễn Nguyên Thảo (61131)
560	251LIT30701	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	1	09h40	17/03/2026	BPH014	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
561	251LIT30703	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	1	09h40	17/03/2026	BPH014	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
562	251SOC30501	Nhập môn ngành Xã hội học	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	09h40	25/03/2026	BPH104	Lê Thị Hoàng Liễu (04089)
563	251HOS41801	Nhượng quyền thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	08h00	25/03/2026	BPH011	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
564	251ART31901	Phân tích âm nhạc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Bài tập lớn	1		28/03/2026		Hồ Duy Trường (60188)
565	251FIN41202	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đào Văn Hào (60784)
566	251FIN41206	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đào Văn Hào (60784)
567	251FIN41217	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Lê Minh Phương (61447)
568	251ENG49201	Phân tích diễn ngôn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	6	08h00	25/03/2026	BPH010	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
569	251ENG49203	Phân tích diễn ngôn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	2	08h00	25/03/2026	BPH010	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
570	251ECO42001	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)
571	251PUR44901	Phân tích nội dung truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Thị Tuyết Hương (61178)
572	251INT427101	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	09h40	24/03/2026	BPH010	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
573	251FOT31201	Phân tích thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	3	15h10	20/03/2026	BPH010	Trần Phước Nhật Uyên (60246)
574	251FOT31202	Phân tích thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	2	15h10	20/03/2026	BPH010	Trần Phước Nhật Uyên (60246)
575	251LAW10101	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	8	09h40	18/03/2026	BMT002	Nguyễn Vinh Huy (61359)
576	251LAW10102	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	18/03/2026	BMT002	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)
577	251LAW10103	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	BMT002	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
578	251LAW10104	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	BMT002	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
579	251LAW10105	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	BMT002	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
580	251LAW10106	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	18/03/2026	BMT002	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)
581	251LAW10107	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	09h40	18/03/2026	BMT002	Hoàng Thị Bích Ngọc (61100)
582	251LAW10108	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	BMT004	Phạm Văn Nhung (05020)
583	251LAW10109	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	18/03/2026	BMT004	Phạm Văn Nhung (05020)
584	251LAW10110	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	BMT004	Nguyễn Quang Thông (60799)
585	251LAW10111	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	BMT004	Nguyễn Quang Thông (60799)
586	251LAW10112	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	BMT004	Nguyễn Quang Thông (60799)
587	251LAW10113	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	BMT004	Nguyễn Quang Thông (60799)
588	251LAW10114	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	BMT004	Nguyễn Thành Nhất (60543)
589	251LAW10118	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	18/03/2026	BMT004	Phan Văn Thụy (61353)
590	251LAW10119	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	18/03/2026	DMT010	Bùi Thanh Vũ (60848)
591	251LAW10120	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	09h40	18/03/2026	DMT010	Bùi Thanh Vũ (60848)
592	251LAW10121	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	18/03/2026	DMT010	Tạ Thúc Hoàng (61294)
593	251LAW10122	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	09h40	18/03/2026	DMT010	Tạ Thúc Hoàng (61294)
594	251LAW10123	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thanh Việt (61331)
595	251LAW10124	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
596	251LAW10125	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Vinh Huy (61359)
597	251LAW10126	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Vinh Huy (61359)
598	251LAW10127	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)
599	251LAW10128	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)
600	251LAW10129	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Vinh Huy (61359)
601	251LAW10131	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT010	Vũ Thị Nga (60542)
602	251LAW10133	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT010	Lê Trung Hậu (61488)
603	251LAW10134	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT010	Cao Hồng Quân (61483)
604	251LAW10136	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT010	Võ Thị Bích Nhung (61360)
605	251LAW10137	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Trịnh Tường Khiêm (60996)
606	251LAW10138	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Trịnh Tường Khiêm (60996)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
607	251LAW10139	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Lê Thị Lợm (61487)
608	251LAW10140	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	DMT011	Lê Trung Hậu (61488)
609	251LAW10142	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	09h40	18/03/2026	DMT011	Lê Nhật Bảo (61365)
610	251LAW10143	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	18/03/2026	DMT011	Lê Nhật Bảo (61365)
611	251LAW10145	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Lê Nhật Bảo (61365)
612	251LAW10146	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	09h40	18/03/2026	DMT011	Phạm Văn Nhung (05020)
613	251LAW10149	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
614	251LAW10151	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	09h40	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Huế (61504)
615	251LAW10153	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
616	251LAW10154	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)
617	251LAW10155	Pháp luật đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	18/03/2026	DMT011	Võ Thị Hồng Vy (61267)
618	251LAW50501	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	09h40	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Đình Luân (61503)
619	251LAW42001	Pháp luật về cạnh tranh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thuận An (60356)
620	251LAW43501	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	09h40	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Chí Thân (61265)
621	251LAW42201	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	13h30	17/03/2026	BPH011	Võ Thị Hồng Vy (61267)
622	251LAW42202	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	1	13h30	17/03/2026	BPH011	Đỗ Trọng Hiền (60545)
623	251LAW42203	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	13h30	17/03/2026	BPH011	Đỗ Trọng Hiền (60545)
624	251LAW40602	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	2	13h30	17/03/2026	BPH011	Nguyễn Thanh Việt (61331)
625	251LAW40603	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	13h30	17/03/2026	BPH011	Bùi Thanh Vũ (60848)
626	251LAW50401	Pháp luật về thi hành án	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	13h30	25/03/2026	DPH020	Lê Vũ Minh Thuận (60869)
627	251LAW43402	Pháp luật về thừa kế	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	24/03/2026	DPH022	Võ Thị Bích Nhung (61360)
628	251PUR42101	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	7	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Hữu Thành (60341)
629	251PUR42102	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Hữu Thành (60341)
630	251PUR42103	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Hữu Thành (60341)
631	251PUR42104	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Hữu Thành (60341)
632	251PUR42105	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Hữu Thành (60341)
633	251PUR42106	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Chí Thân (61265)
634	251PUR42108	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Thành Nhất (60543)
635	251PUR42110	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	08h00	25/03/2026	BPH104	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
636	251PUR42111	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	25/03/2026	BPH104	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
637	251PUR42112	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
638	251PUR42113	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	1	08h00	25/03/2026	BPH104	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
639	251PUR42114	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Thành Nhất (60543)
640	251PUR42115	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Thành Nhất (60543)
641	251PUR42116	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	2	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Thành Nhất (60543)
642	251PUR42117	Pháp luật về truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 60	3	08h00	25/03/2026	BPH104	Nguyễn Thành Nhất (60543)
643	251TOU30201	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	09h40	25/03/2026	BPH010	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
644	251TOU30202	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	2	09h40	25/03/2026	BPH010	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
645	251TOU30203	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	6	09h40	25/03/2026	BPH010	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
646	251TOU30204	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	2	09h40	25/03/2026	BPH010	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)
647	251TOU30205	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	7	09h40	25/03/2026	BPH010	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)
648	251TOU30206	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	09h40	25/03/2026	BPH010	Dương Thị Loan (60190)
649	251TOU30207	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	09h40	25/03/2026	BPH010	Dương Thị Loan (60190)
650	251MAR42906	Phát triển sản phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)
651	251BIO31704	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	BPH011	Trần Thị Thu Ngân (60584)
652	251GRA42613	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đỗ Minh Trung (60885)
653	251ENG40701	Phiên dịch nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	09h40	20/03/2026	HEC705	Đỗ Huy Liêm (61435)
654	251JAP48901	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	17/03/2026	BPH005	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
655	251PUR44401	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	7		28/03/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
656	251PUR44402	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	3		28/03/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
657	251TRA40601	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	17/03/2026	BPH011	Vũ Thị Thu Hương (03112)
658	251SKL10107	Phương pháp học đại học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Ngọc Phương (60795)
659	251SKL10130	Phương pháp học đại học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Anh Tuấn (61453)
660	251SOS30313	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)
661	251BUS30908	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	2		28/03/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)
662	251BUS30909	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)
663	251PUR42903	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Ngọc Hương (61146)
664	251PUR42905	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
665	251SOS30501	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	6	13h30	19/03/2026	HEC507	Phan Thị Hải Yến (60888)
666	251SOS30503	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	13h30	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
667	251SOS30504	Quan hệ quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	13h30	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)
668	251TOU30301	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	14	13h30	19/03/2026	HEC507	Tô Hồng Gấm (60506)
669	251HOS42001	Quản lý doanh thu và chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	2	13h30	17/03/2026	BPH011	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
670	251HOS42002	Quản lý doanh thu và chi phí	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	17/03/2026	BPH011	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
671	251INT477101	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	3	13h30	25/03/2026	DPH020	Phạm Trọng Huynh (60773)
672	251TOU41801	Quản trị chiến lược trong du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	6	13h30	17/03/2026	BPH011	Nguyễn Thúy Vy (03119)
673	251HOS30201	Quản trị dịch vụ ăn uống	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	8	13h30	17/03/2026	BPH010	Lý Liệt Thanh (60747)
674	251HOS42301	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	13h30	17/03/2026	BPH010	Lê Hoàng Quang Đình (03010)
675	251TRA42101	Quản trị điểm đến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	7	15h10	19/03/2026	HEC605	Phạm Ngọc Hiếu (61401)
676	251TRA42102	Quản trị điểm đến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	6	15h10	19/03/2026	HEC605	Phạm Ngọc Hiếu (61401)
677	251TOU42701	Quản trị du lịch MICE	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	7	13h30	17/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Thúy ngân (61399)
678	251LOG40201	Quản trị kho hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đặng Thành Luân (61025)
679	251HOS42403	Quản trị Khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	15h10	16/03/2026	BMT002	Lê Hoàng Quang Đình (03010)
680	251LOG40101	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tổng hợp	4	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Văn Thuận (61413)
681	251LOG40102	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tổng hợp	6	13h30	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Bích Hồng (61323)
682	251LOG40103	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tổng hợp	1	13h30	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Bích Hồng (61323)
683	251LOG40104	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tổng hợp	1	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Lê Vương Ngọc (60439)
684	251LOG40107	Quản trị Logistics	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tổng hợp	1	13h30	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Vĩnh Phước (60616)
685	251SUC41001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tổng hợp	6	09h40	26/03/2026	DPH023	Vũ Ngọc Bích (61328)
686	251SUC41003	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tổng hợp	2	09h40	26/03/2026	DPH023	Vũ Ngọc Bích (61328)
687	251SUC41004	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tổng hợp	1	09h40	26/03/2026	DPH023	Vũ Ngọc Bích (61328)
688	251ECO31501	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)
689	251FIN41401	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	3	08h00	24/03/2026	DPH020	Nguyễn Văn Thầy (61310)
690	251FIN41402	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	4	08h00	24/03/2026	DPH020	Phạm Hoàng Ân (02130)
691	251FIN41403	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	15	08h00	24/03/2026	DPH020	Phạm Hoàng Ân (02130)
692	251FIN41404	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tự luận 90	7	08h00	24/03/2026	DPH020	Phạm Hoàng Ân (02130)
693	251TOU42801	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	4	13h30	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
694	251MAN41315	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)
695	251MAN41317	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)
696	243FIN41502	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)
697	251BUS10205	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Thị Bích Hảo (61070)
698	251BUS10209	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)
699	251BUS10214	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Văn (61203)
700	251BUS10227	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Tô Hồng Gắm (60506)
701	251BUS10231	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	2		28/03/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)
702	251BUS10238	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Lê Văn (61203)
703	251BUS10242	Quản trị sự thay đổi	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Tô Hồng Gắm (60506)
704	251FIN41701	Quản trị tài chính	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Anh (60422)
705	251MAN41801	Quản trị vận hành	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Trần Hữu Ái (02032)
706	251MAR40314	Quảng cáo	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Vũ Thanh Danh (61020)
707	251TRA42401	Quy hoạch du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	18/03/2026	DPH023	Trần Ngọc Trinh (03113)
708	251MMC41103	Sản xuất chương trình phát thanh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Thực hành	1		27/03/2026		Trần Thanh Hùng (61234)
709	251BIO40901	Sinh học về Protein	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Trắc nghiệm	1	15h10	17/03/2026	DMT019	Nguyễn Phúc Thiện (60583)
710	251NUR40901	Sinh lý bệnh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Minh Tùng (61147)
711	251ACC44205	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tiểu luận	2		28/03/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
712	243FIN41801	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08H00	25/03/2026	DPH017	Lê Thị Phương Loan (61262)
713	243FIN41802	Tài chính cá nhân	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08H00	25/03/2026	DPH017	Lê Thị Phương Loan (61262)
714	251FIN43501	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	9	15h10	16/03/2026	BMT002	Bùi Minh Tiết (61029)
715	251FIN43502	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	15h10	16/03/2026	BMT002	Bùi Minh Tiết (61029)
716	251FIN43503	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	15h10	16/03/2026	BMT002	Bùi Minh Tiết (61029)
717	251FIN44601	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	17/03/2026	DMT012	Ngô Văn Toàn (61189)
718	251PSY20101	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	13h30	18/03/2026	DPH023	Hoàng Minh Phú (61033)
719	251PSY20102	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	9	13h30	18/03/2026	DPH023	Hoàng Minh Phú (61033)
720	251PSY20103	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	6	13h30	18/03/2026	DPH023	Hoàng Minh Phú (61033)
721	251PSY20104	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	4	13h30	18/03/2026	DPH023	Hoàng Minh Phú (61033)
722	251PSY20105	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	13h30	18/03/2026	DPH023	Đỗ Hoàng Phúc (61079)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
723	251PSY20106	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	18/03/2026	DPH023	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
724	251PSY20107	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	18/03/2026	BPH104	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
725	251PSY20108	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	4	13h30	18/03/2026	BPH104	Đỗ Hoàng Phúc (61079)
726	251PSY20109	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	18/03/2026	BPH104	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)
727	251PSY20110	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	4	13h30	18/03/2026	BPH104	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)
728	251PSY20111	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	6	13h30	18/03/2026	BPH104	Nguyễn Thị Đỗ Quyền (60961)
729	251PSY20113	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	6	13h30	18/03/2026	BPH104	Nguyễn Bảo Ân (60731)
730	251PSY20114	Tâm lý học đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	9	13h30	18/03/2026	BPH104	Nguyễn Bảo Ân (60731)
731	251PSY30901	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	5	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
732	251PSY30902	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
733	251PSY30903	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
734	251PSY30904	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
735	251PSY30905	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
736	251PSY30906	Tâm lý học giao tiếp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	15h10	20/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
737	251PSY31003	Tâm lý học giới tính	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thị Đỗ Quyền (60961)
738	251PSY31201	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	13h30	20/03/2026	BPH011	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
739	251PSY31202	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	5	13h30	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Bảo Ân (60731)
740	251PSY31203	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	20/03/2026	BPH011	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
741	251PSY31204	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	20/03/2026	BPH011	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
742	251PSY31206	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Bảo Ân (60731)
743	251PSY31207	Tâm lý học phát triển	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	3	13h30	20/03/2026	BPH011	Nguyễn Bảo Ân (60731)
744	251PSY44801	Tâm lý học thần kinh	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Nguyễn Tấn Đạt (61451)
745	251MMC30401	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
746	251MMC30402	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
747	251MMC30403	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Đình Khanh (60468)
748	251MMC30404	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thị Thanh Quý (61236)
749	251PSY31301	Tâm lý học xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	2	13h30	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
750	251PSY31302	Tâm lý học xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	5	13h30	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
751	251PSY31303	Tâm lý học xã hội	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 90	1	13h30	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
752	251ECO32703	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tổng hợp	2	09h40	26/03/2026	DPH023	Nguyễn Việt Thắng (60778)
753	251FIN42502	Thẩm định tín dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
754	251FIN42503	Thẩm định tín dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
755	251FIN42401	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
756	251FIN42402	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	09h40	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
757	251FIN42403	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	16/03/2026	BMT004	Trương Thị Thanh Nga (60891)
758	251FIN42404	Thanh toán quốc tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	09h40	16/03/2026	BMT004	Phan Thị Phương Linh (60938)
759	251FIN42701	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	08h00	16/03/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
760	251FIN42702	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	16/03/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
761	251FIN42703	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	08h00	16/03/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
762	251FIN42705	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
763	251FIN42706	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	16/03/2026	BMT004	Trương Trung Hiếu (61344)
764	251FIN42707	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
765	251FIN42708	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
766	251FIN42711	Thị trường tài chính	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
767	251GRA42401	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đỗ Minh Trung (60885)
768	251GRA40301	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	4	09h40	16/03/2026	BPH013	Võ Thị Lắm (60728)
769	251INT462104	Thiết kế mạng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thanh Truyền (60980)
770	251TRA30701	Thiết kế tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	13h30	25/03/2026	BPH010	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)
771	251TRA30702	Thiết kế tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	2	13h30	25/03/2026	BPH010	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)
772	251TRA30703	Thiết kế tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	13h30	25/03/2026	BPH010	Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)
773	251NAS20301	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	13	08h00	18/03/2026	BPH104	Lưu Hoàng Giang (02020)
774	251NAS20302	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	08h00	18/03/2026	BPH104	Lưu Hoàng Giang (02020)
775	251NAS20303	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	7	08h00	18/03/2026	BPH104	Tổng Mỹ Thanh (60051)
776	251NAS20304	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	9	08h00	18/03/2026	BPH104	Tổng Mỹ Thanh (60051)
777	251NAS20305	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	7	08h00	18/03/2026	BPH104	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
778	251NAS20306	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	4	08h00	18/03/2026	BPH111	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
779	251NAS20307	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	11	08h00	18/03/2026	BPH111	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
780	251NAS20308	Thông kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	2	08h00	18/03/2026	BPH111	Huỳnh Thị Vu (61276)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
781	251NAS20309	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	19	08h00	18/03/2026	BPH111	Hoàng Sơn Tùng (60359)
782	251NAS20310	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	20	08h00	18/03/2026	DPH005	Hoàng Sơn Tùng (60359)
783	251NAS20311	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	08h00	18/03/2026	DPH005	Huỳnh Thị Vu (61276)
784	251NAS20312	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	08h00	18/03/2026	DPH005	Huỳnh Thị Vu (61276)
785	251NAS20313	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	7	08h00	18/03/2026	DPH005	Trương Phi Cường (60971)
786	251NAS20314	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	3	08h00	18/03/2026	DPH005	Trương Phi Cường (60971)
787	251NAS20315	Thống kê ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tự luận 90	10	08h00	18/03/2026	DPH005	Trương Phi Cường (60971)
788	251ENG44101	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	25/03/2026	BPH012	Nim Ngọc Yến (25056)
789	251ENG44102	Thư tín thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	25/03/2026	BPH012	Đinh Thị Triều Giang (60882)
790	251JAP49101	Thư tín thương mại	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	09h40	25/03/2026	BPH012	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
791	251JAP49105	Thư tín thương mại	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	09h40	25/03/2026	BPH012	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
792	251FIN42801	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	5	08h00	24/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
793	251FIN42803	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
794	251FIN42804	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
795	251FIN42805	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
796	251FIN42806	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
797	251FIN42807	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
798	251FIN42808	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	08h00	24/03/2026	BPH010	Phan Hiền Minh (02006)
799	251FIN42809	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH010	Đào Văn Hào (60784)
800	251FIN42810	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
801	251FIN42811	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	08h00	24/03/2026	BPH010	Phan Hiền Minh (02006)
802	251FIN42812	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	6	08h00	24/03/2026	BPH010	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
803	251FIN42813	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
804	251FIN42814	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH014	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
805	251FIN42815	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	24/03/2026	BPH014	Đào Văn Hào (60784)
806	251FIN42816	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH014	Đào Văn Hào (60784)
807	251FIN42817	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH014	Đào Văn Hào (60784)
808	251FIN42819	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH014	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
809	251FIN42820	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	3	08h00	24/03/2026	BPH014	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
810	251FIN42821	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	7	08h00	24/03/2026	BPH014	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
811	251FIN42822	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH014	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
812	251FIN42823	Thuế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH014	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
813	251INT42901	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BMT002	Lê Ngọc Hiếu (60824)
814	251BUS42716	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)
815	251BUS42717	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)
816	251LOG40305	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)
817	251LOG40313	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Báo cáo	1		28/03/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)
818	251LAW41601	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	7	13h30	25/03/2026	BPH011	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
819	251LAW41604	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	25/03/2026	BPH011	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
820	251LAW41605	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	13h30	25/03/2026	BPH011	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
821	251LAW41606	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Học từ xa	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
822	251LAW41607	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	25/03/2026	BPH011	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
823	251LAW41608	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	13h30	25/03/2026	BPH011	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
824	251LAW41609	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
825	251PUR42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Lê Thị Kiều Vân (60832)
826	251PUR42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	1	13h30	25/03/2026	BPH011	Lê Thị Kiều Vân (60832)
827	251PUR42703	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
828	251PUR42705	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Hoàng Minh Phú (61033)
829	251PUR42706	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	25/03/2026	BPH011	Hoàng Minh Phú (61033)
830	251HOS30501	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	BPH012	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
831	251HOS30502	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	BPH012	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
832	251HOS30505	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	2	15h10	25/03/2026	BPH012	Trịnh Mai Phương (60275)
833	251HOS30506	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	BPH012	Trịnh Mai Phương (60275)
834	251HOS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	BPH012	Huỳnh Thanh Bình (25063)
835	251ECO31101	Tiếng Anh chuyên ngành TMDT	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)
836	251ECO31102	Tiếng Anh chuyên ngành TMDT	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế - Quản trị	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)
837	251MMC40201	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	15h10	25/03/2026	BPH012	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
838	251ENG32701	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	7	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Mơ (60472)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
839	251ENG32703	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Mơ (60472)
840	251TRA44802	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	3	15h10	25/03/2026	BPH012	Hồ Thị Phương (03067)
841	251TRA44804	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	2	15h10	25/03/2026	BPH012	Trịnh Mai Phương (60275)
842	251TRA44806	Tiếng Anh du lịch 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tổng hợp	2	15h10	25/03/2026	BPH012	Hồ Thị Phương (03067)
843	251ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	13	09h40	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Thị Mơ (60472)
844	251ENG20102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Thị Mơ (60472)
845	251ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC507	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
846	251ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC507	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
847	251ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC507	Phan Anh Dũng (61021)
848	251ENG20106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	09h40	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Châu Long (60817)
849	251ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
850	251ENG20108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Thạch Thị Quách Thị (60666)
851	251ENG20112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)
852	251ENG20114	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
853	251ENG20116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
854	251ENG20117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
855	251ENG20118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
856	251ENG20119	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
857	251ENG20120	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
858	251ENG20121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
859	251ENG20122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
860	251ENG20123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Hồ Thị Hiếu (61354)
861	251ENG20124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Đổng Thị Khánh Duyên (25027), Hồ Như Vy (61288)
862	251ENG20125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Đổng Thị Khánh Duyên (25027), Hồ Như Vy (61288)
863	251ENG20126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Châu Long (60817)
864	251ENG20127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC508	Châu Thị Khánh Linh (25045)
865	251ENG20128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC508	Đào Thị Trường Xuân (60919)
866	251ENG20129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
867	251ENG20130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
868	251ENG20132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Lê Thùy Trang (25057)
869	251ENG20134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
870	251ENG20135	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
871	251ENG20136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Nim Ngọc Yến (25056)
872	251ENG20137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Nim Ngọc Yến (25056)
873	251ENG20139	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Trần Hoàng Phúc (61507)
874	251ENG20140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Hoàng Tiểu Nga (60478)
875	251ENG20142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
876	251ENG20143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
877	251ENG20144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
878	251ENG20145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
879	251ENG20146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC509	Timothy James Rossiter (60565)
880	251ENG20147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Timothy James Rossiter (60565)
881	251ENG20148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	19/03/2026	HEC509	Timothy James Rossiter (60565)
882	251ENG20150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
883	251ENG20152	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)
884	251ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	08h00	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
885	251ENG20202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)
886	251ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC507	Nim Ngọc Yến (25056)
887	251ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC507	Hà Nam Bình (60942)
888	251ENG20206	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	19/03/2026	HEC507	Nguyễn Châu Long (60817)
889	251ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	19/03/2026	HEC507	Châu Thị Khánh Linh (25045)
890	251ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC507	Châu Thị Khánh Linh (25045)
891	251ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC508	Hà Nam Bình (60942)
892	251ENG20211	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	19/03/2026	HEC508	Lê Thùy Trang (25057)
893	251ENG20213	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC508	Nguyễn Thanh Hải (60704)
894	251ENG20214	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	08h00	19/03/2026	HEC508	Phan Thị Miên Thảo (60693)
895	251ENG20215	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Lệ Ánh (60483)
896	251ENG20216	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Lệ Ánh (60483)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
897	251ENG20218	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC508	Võ Huyền Trinh (61247)
898	251ENG20219	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	08h00	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
899	251ENG20220	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
900	251ENG20221	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC508	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
901	251ENG20222	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	8	08h00	19/03/2026	HEC509	Trần Thị Quốc Thanh (60629)
902	251ENG20223	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC509	Trần Xuân Trang (60913)
903	251ENG20225	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC509	Phạm Duy Phương (60717)
904	251ENG20226	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	19/03/2026	HEC509	Võ Huyền Trinh (61247)
905	251ENG20227	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC509	Võ Huyền Trinh (61247)
906	251ENG20228	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	19/03/2026	HEC509	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
907	251ENG20229	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC509	Bùi Thị Thanh Hương (61266)
908	251ENG20230	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC509	Châu Thị Khánh Linh (25045)
909	251ENG20231	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC509	Nim Ngọc Yến (25056)
910	251ENG20232	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Châu Long (60817)
911	251ENG20233	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC605	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
912	251ENG20234	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
913	251ENG20235	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
914	251ENG20236	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
915	251ENG20237	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Phan Thị Miên Thảo (60693)
916	251ENG20238	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Đào Thị Trường Xuân (60919)
917	251ENG20239	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
918	251ENG20240	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Đài Trang (61285)
919	251ENG20241	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC605	Lê Thùy Trang (25057)
920	251ENG20242	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	08h00	19/03/2026	HEC605	Phạm Duy Phương (60717)
921	251ENG20243	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC605	Ngô Huệ Nghi (60753)
922	251ENG20244	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC605	Ngô Huệ Nghi (60753)
923	251ENG20245	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC605	Phạm Duy Phương (60717)
924	251ENG20246	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	19/03/2026	HEC610	Phạm Duy Phương (60717)
925	251ENG20247	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC610	Lê Thị Thanh Tâm (60737)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
926	251ENG20248	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	19/03/2026	HEC610	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
927	251ENG20249	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	19/03/2026	HEC610	La Thị Hồng Loan (25106)
928	251ENG20250	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC610	Đinh Thị Triều Giang (60882)
929	251ENG20251	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC610	Đinh Thị Triều Giang (60882)
930	251ENG20252	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC610	Nguyễn Thị Tấn (25151)
931	251ENG20253	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC610	Nguyễn Thị Tấn (25151)
932	251ENG20254	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC610	Đào Thị Trường Xuân (60919)
933	251ENG20255	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC610	Phan Thị Miên Thảo (60693)
934	251ENG20256	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	08h00	19/03/2026	HEC708	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
935	251ENG20257	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC708	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)
936	251ENG20258	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC708	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)
937	251ENG20259	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC708	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)
938	251ENG20260	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC708	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)
939	251ENG20261	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC708	Nim Ngọc Yến (25056)
940	251ENG20262	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC708	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
941	251ENG20263	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	19/03/2026	HEC708	La Thị Hồng Loan (25106)
942	251ENG20265	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	19/03/2026	HEC708	Phạm Duy Phương (60717)
943	251ENG20266	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	08h00	19/03/2026	HEC708	Phạm Duy Phương (60717)
944	251ENG20267	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	19/03/2026	HEC708	Huỳnh Hữu Hiền (60394)
945	251ENG32403	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	09h40	20/03/2026	HEC705	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
946	251ENG32405	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	09h40	20/03/2026	HEC705	Thái Nguyễn Tổ Loan (60729)
947	251ENG32407	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	09h40	20/03/2026	HEC705	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)
948	251ENG32409	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	09h40	20/03/2026	HEC705	Thạch Thị Quách Thi (60666)
949	251ENG43201	Tiếng Anh nghe - nói 3	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	09h40	20/03/2026	HEC705	Thạch Thị Quách Thi (60666)
950	251ENG31901	Tiếng Anh viết 1	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	26/03/2026	DPH017	Nguyễn Đài Trang (61285)
951	251ENG32901	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	15h10	19/03/2026	HEC509	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)
952	251ENG32903	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
953	251ENG32905	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	19/03/2026	HEC509	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)
954	251ENG32907	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	La Thị Hồng Loan (25106)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
955	251ENG32909	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	19/03/2026	HEC509	Nguyễn Thị Tấn (25151)
956	251ENG32911	Tiếng Anh viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)
957	251ENG43901	Tiếng Anh viết 3	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận 90	5	13h30	25/03/2026	BPH010	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
958	251KOR32201	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	15h10	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
959	251KOR32203	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	16/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
960	251KOR31701	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	4	09h40	26/03/2026	DPH017	Lưu Nhuệ Bang (60587)
961	251KOR31703	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	4	09h40	26/03/2026	DPH017	Đặng Thị Diệu Linh (60750)
962	251KOR32403	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC509	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
963	251KOR32405	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	4	15h10	19/03/2026	HEC509	Lưu Nhuệ Bang (60587)
964	251KOR32407	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	15h10	19/03/2026	HEC509	Lưu Nhuệ Bang (60587)
965	251KOR32409	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	1	15h10	19/03/2026	HEC509	Lê Đặng Tường Vy (60466)
966	251KOR32701	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	24/03/2026	BPH111	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
967	251KOR32807	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	24/03/2026	BPH111	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
968	251KOR32809	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	2	13h30	24/03/2026	BPH111	Chềnh Cao Ngọc Linh (25003)
969	251KOR42301	Tiếng Hàn đọc 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	1	13h30	24/03/2026	BPH111	Chềnh Cao Ngọc Linh (25003)
970	251KOR32101	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	09h40	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
971	251KOR20101	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	24/03/2026	BPH014	Lưu Nhuệ Bang (60587)
972	251KOR20102	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	24/03/2026	BPH014	Lưu Nhuệ Bang (60587)
973	251KOR20201	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
974	251KOR20202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	15h10	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
975	251CHI42901	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Lai Khai Vinh (60225)
976	251CHI42904	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
977	251CHI42906	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
978	251CHI42908	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
979	251CHI42909	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
980	251CHI42910	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
981	251CHI42911	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
982	251CHI42912	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
983	251CHI42913	Tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	13h30	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
984	251KOR31401	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	2	13h30	20/03/2026	HEC608	Baek Myeongjin (60471)
985	251KOR32301	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	4	13h30	20/03/2026	HEC608	Kim Dong Seok (25171)
986	251KOR32305	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	1	13h30	20/03/2026	HEC608	Kim Dong Seok (25171)
987	251KOR32309	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	2	13h30	20/03/2026	HEC608	Kim Dong Seok (25171)
988	251KOR32901	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	1	13h30	20/03/2026	HEC608	Baek Myeongjin (60471)
989	251KOR33001	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	3	13h30	20/03/2026	HEC608	Jung Hye Gyung (25170)
990	251KOR33005	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	2	13h30	20/03/2026	HEC608	Jung Hye Gyung (25170)
991	251KOR43001	Tiếng Hàn nghe - nói 7	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	2	13h30	20/03/2026	HEC608	Jung Hye Gyung (25170)
992	251KOR42501	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Vấn đáp	4	09h40	17/03/2026	BPH014	Jung Hye Gyung (25170)
993	251KOR43301	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tổng hợp	3	13h30	24/03/2026	BPH111	Lê Đặng Tường Vy (60466)
994	251JAP35401	Tiếng Nhật công sở	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	17/03/2026	BPH005	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
995	251JAP35001	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	24/03/2026	BPH111	Phan Thị Kim Hiện (60461)
996	251JAP35003	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	13h30	24/03/2026	BPH111	Phan Thị Kim Hiện (60461)
997	251JAP45001	Tiếng Nhật đọc - viết 5	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	13h30	24/03/2026	BPH111	Võ Thị Minh Diễm (61539)
998	251JAP45101	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	15h10	24/03/2026	BPH111	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
999	251JAP45201	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	24/03/2026	BPH111	Trương Thanh Tùng (60283)
1000	251JAP49401	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	26/03/2026	BPH005	Trương Thanh Tùng (60283)
1001	251JAP49301	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	26/03/2026	BPH005	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1002	251JAP45701	Tiếng Nhật đọc 7	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	26/03/2026	BPH005	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1003	251JAP20101	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	13h30	19/03/2026	HEC605	Trương Thanh Tùng (60283)
1004	251JAP20102	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	13h30	19/03/2026	HEC605	Trương Thanh Tùng (60283)
1005	251JAP20201	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	26/03/2026	BPH005	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)
1006	251JAP20202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	26/03/2026	BPH005	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1007	251JAP45901	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	26/03/2026	BPH005	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1008	251JAP34401	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	26/03/2026	DPH022	Thái Phương Thảo (61526)
1009	251JAP34901	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	11	08h00	26/03/2026	DPH022	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1010	251JAP34903	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	08h00	26/03/2026	DPH022	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1011	251JAP44201	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	19/03/2026	HEC302	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
1012	251JAP49601	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	17/03/2026	BPH005	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1013	251JAP49501	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	08h00	19/03/2026	HEC302	Thái Phương Thảo (61526)
1014	251JAP34701	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	08h00	20/03/2026	HEC705	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
1015	251JAP35101	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	8	13h30	19/03/2026	HEC605	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1016	251JAP35103	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	13h30	19/03/2026	HEC605	Cao Thị Phương Thảo (25042)
1017	251JAP46301	Tiếng Nhật ngữ pháp 6	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	7	08h00	20/03/2026	HEC705	Thái Phương Thảo (61526)
1018	251JAP49701	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	08h00	20/03/2026	HEC705	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
1019	251JAP47401	Tiếng Nhật viết 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	20/03/2026	HEC705	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
1020	251FRE41401	Tiếng Pháp trong giao tiếp thương mại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	26/03/2026	BPH005	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)
1021	251CHI20301	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	16/03/2026	BPH013	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1022	251CHI20302	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1023	251CHI20303	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1024	251CHI20304	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	09h40	16/03/2026	BPH013	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1025	251CHI20201	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	20/03/2026	HEC608	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1026	251CHI20202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	20/03/2026	HEC608	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1027	251CHI20203	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	6	08h00	20/03/2026	HEC608	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1028	251CHI20204	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	08h00	20/03/2026	HEC608	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
1029	251CHI20205	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	20/03/2026	HEC608	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
1030	251CHI20206	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	20/03/2026	HEC608	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
1031	251CHI41801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	25/03/2026	BPH009	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
1032	251CHI45702	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	25/03/2026	BPH009	Phan Thành Nhật (60751)
1033	251CHI45706	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	25/03/2026	BPH009	Phan Thành Nhật (60751)
1034	251CHI45707	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	25/03/2026	BPH009	Phan Thành Nhật (60751)
1035	251CHI45801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	25/03/2026	BPH009	Phan Thành Nhật (60751)
1036	251CHI45802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	25/03/2026	BPH009	Phan Thành Nhật (60751)
1037	251CHI42001	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	15h10	25/03/2026	DPH020	Lê Thanh Thu (60457)
1038	251CHI43906	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	25/03/2026	DPH020	Lê Thanh Thu (60457)
1039	251CHI45901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	DPH020	Lê Thanh Thu (60457)
1040	251CHI45902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	15h10	25/03/2026	DPH022	Lê Thanh Thu (60457)
1041	251CHI35001	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	09h40	20/03/2026	HEC508	Lê Ngọc Anh Thư (60371)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1042	251CHI35003	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	09h40	20/03/2026	HEC508	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
1043	251CHI35005	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	20/03/2026	HEC508	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
1044	251CHI35019	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	20/03/2026	HEC508	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
1045	251CHI35021	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	20/03/2026	HEC508	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
1046	251CHI35023	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	20/03/2026	HEC508	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
1047	251CHI35027	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	20/03/2026	HEC508	Ngô Thị Minh Thủy (61172)
1048	251CHI46004	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	Diệp Tuyết Vân (60342)
1049	251CHI46007	Tiếng Trung Quốc makerting	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	Diệp Tuyết Vân (60342)
1050	251CHI34601	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	13h30	24/03/2026	BPH008	Phan Thị Hà (60686)
1051	251CHI34603	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	17/03/2026	BPH007	Phan Thị Hà (60686)
1052	251CHI34605	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	13h30	24/03/2026	BPH008	Phan Thị Hà (60686)
1053	251CHI34607	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	17/03/2026	BPH007	Phan Thị Hà (60686)
1054	251CHI34609	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	12	08h00	17/03/2026	BPH007	Phan Thị Hà (60686)
1055	251CHI34611	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	6	08h00	17/03/2026	BPH008	Phan Thị Hà (60686)
1056	251CHI34613	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	17/03/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)
1057	251CHI34615	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	17/03/2026	BPH008	Phạm Thành Anh (60571)
1058	251CHI34617	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	13h30	24/03/2026	BPH008	Phạm Thành Anh (60571)
1059	251CHI34619	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	17/03/2026	BPH008	Phạm Thành Anh (60571)
1060	251CHI34621	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	17/03/2026	BPH008	Phạm Thành Anh (60571)
1061	251CHI34623	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	17/03/2026	BPH008	Phạm Thành Anh (60571)
1062	251CHI34625	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	17/03/2026	BPH008	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)
1063	251CHI34627	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	8	08h00	17/03/2026	BPH009	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1064	251CHI34629	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	13h30	24/03/2026	BPH008	La Hải Kỳ (60752)
1065	251CHI34631	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	5	08h00	17/03/2026	BPH009	La Hải Kỳ (60752)
1066	251CHI34633	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	10	08h00	17/03/2026	BPH009	La Hải Kỳ (60752)
1067	251CHI34701	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	17/03/2026	BPH007	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1068	251CHI34703	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	17/03/2026	BPH007	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1069	251CHI34801	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1070	251CHI34803	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	16/03/2026	BPH007	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1071	251CHI34805	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1072	251CHI34807	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1073	251CHI34813	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Thị Hoa (61122)
1074	251CHI34815	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Thị Hoa (61122)
1075	251CHI34817	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	16/03/2026	BPH007	Huỳnh Thị Hoa (61122)
1076	251CHI34821	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	4	08h00	16/03/2026	BPH007	La Hải Kỳ (60752)
1077	251CHI34823	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	1	08h00	16/03/2026	BPH007	La Hải Kỳ (60752)
1078	251CHI34825	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	08h00	16/03/2026	BPH007	La Hải Kỳ (60752)
1079	251CHI34827	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	08h00	16/03/2026	BPH007	La Hải Kỳ (60752)
1080	251CHI34201	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1081	251CHI34203	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	25/03/2026	DPH017	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1082	251CHI34205	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	08h00	25/03/2026	DPH017	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1083	251CHI34209	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	5	08h00	25/03/2026	DPH017	Hoàng Tổ Nguyên (60572)
1084	251CHI34213	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	2	08h00	25/03/2026	DPH017	Âu Tuyền Diệu (60620)
1085	251CHI34215	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Đoàn Thị Nam Phương (61362)
1086	251CHI34221	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)
1087	251CHI34223	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	08h00	25/03/2026	DPH017	Âu Tuyền Diệu (60620)
1088	251CHI34227	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
1089	251CHI34231	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	4	08h00	25/03/2026	DPH017	Đoàn Thị Nam Phương (61362)
1090	251CHI34233	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	DPH017	Đoàn Thị Nam Phương (61362)
1091	251CHI34301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	6	09h40	16/03/2026	BPH013	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1092	251ICH130501	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3.00	Đại học	Liên kết Quốc tế	Viện Đào tạo Quốc tế	Trắc nghiệm	1	09h40	16/03/2026	BPH013	La Hải Kỳ (60752)
1093	251CHI34403	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
1094	251CHI34405	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	24/03/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
1095	251CHI34407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1096	251CHI34409	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1097	251CHI34411	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	09h40	24/03/2026	BPH009	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
1098	251CHI34413	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	09h40	24/03/2026	BPH009	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
1099	251CHI34415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1100	251CHI34417	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1101	251CHI34419	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	24/03/2026	BPH009	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
1102	251CHI34421	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	09h40	24/03/2026	BPH009	Trương Tư Triển (60286)
1103	251CHI33701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	13h30	20/03/2026	HEC508	Lê Thị Thủy (61305)
1104	251CHI33703	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	6	13h30	20/03/2026	HEC508	Lê Thị Thủy (61305)
1105	251CHI33704	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	2	13h30	20/03/2026	HEC508	Lê Thị Thủy (61305)
1106	251CHI46101	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	4	08h00	20/03/2026	HEC508	Hoàng Văn Cường (25128)
1107	251CHI46102	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	3	08h00	20/03/2026	HEC508	Hoàng Văn Cường (25128)
1108	251CHI46103	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	08h00	20/03/2026	HEC508	Hoàng Văn Cường (25128)
1109	251CHI46104	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	08h00	20/03/2026	HEC508	Hoàng Văn Cường (25128)
1110	251CHI46107	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	5	08h00	20/03/2026	HEC508	Hoàng Văn Cường (25128)
1111	251CHI44301	Tiếng Trung tổng hợp nâng cao	4.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	9	15h10	25/03/2026	DPH020	Âu Tuyền Diệu (60620)
1112	251HOS42901	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	15h10	18/03/2026	DPH020	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)
1113	251TOU43101	Tiếp thị trong kinh doanh du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	15h10	18/03/2026	DPH020	Phan Minh Châu (61148)
1114	251TRA42701	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	13	15h10	18/03/2026	DPH020	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)
1115	243LOG41803	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	2		28/03/2026		Nguyễn Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thị Phương Thư (60374, 61412)
1116	243LOG41804	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thị Phương Thư (60374, 61412)
1117	251TRA42801	Tổ chức điều hành tour Inbound và Outbound	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	15h10	18/03/2026	DPH020	Vũ Thị Thu Hương (03112)
1118	251TRA45301	Tổ chức và điều hành tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	21	09h40	24/03/2026	DPH020	Võ Sơn Đông (61500)
1119	251TRA45302	Tổ chức và điều hành tour	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	7	09h40	24/03/2026	DPH020	Nguyễn Tấn Công (61402)
1120	251INT430101	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)
1121	251NAS20201	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	9	13h30	18/03/2026	DPH020	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1122	251NAS20202	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	13h30	18/03/2026	DPH020	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1123	251NAS20203	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	5	13h30	18/03/2026	DPH020	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1124	251NAS20204	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	13h30	18/03/2026	DPH020	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1125	251NAS20205	Toán cao cấp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	13h30	18/03/2026	DPH020	Tổng Mỹ Thanh (60051)
1126	251NAS31002	Toán kỹ thuật	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	4	13h30	18/03/2026	DPH020	Hồ Quốc Bảo (60932)
1127	251NAS30601	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	10	08h00	16/03/2026	BPH109	Lương Thái Hiền (01005)
1128	251NAS30602	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	9	08h00	16/03/2026	BPH109	Lương Thái Hiền (01005)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1129	251NAS30603	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	6	08h00	16/03/2026	BPH109	Lương Thái Hiền (01005)
1130	251NAS30604	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	2	08h00	16/03/2026	BPH109	Lương Thái Hiền (01005)
1131	251TOU30501	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	08h00	24/03/2026	BPH011	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
1132	251TOU30502	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	7	08h00	24/03/2026	BPH011	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
1133	251TOU30504	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	6	08h00	24/03/2026	BPH011	Nguyễn Thúy Vy (03119)
1134	251TOU30505	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	5	08h00	24/03/2026	BPH011	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
1135	251TOU30506	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	2	08h00	24/03/2026	BPH011	Nguyễn Thúy Vy (03119)
1136	251TOU30507	Tổng quan du lịch	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	08h00	24/03/2026	BPH011	Ngô Xuân Hào (03005)
1137	251TRA30603	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH109	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
1138	251TRA30605	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH109	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
1139	251TRA30606	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH109	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
1140	251TRA30608	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	08h00	16/03/2026	BPH109	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
1141	251TRA30609	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	08h00	16/03/2026	BPH109	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)
1142	251HOS30601	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	2	13h30	16/03/2026	BPH005	Ngô Xuân Hào (03005)
1143	251HOS30602	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	13h30	16/03/2026	BPH005	Lý Liệt Thanh (60747)
1144	251HOS30603	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	13h30	16/03/2026	BPH005	Ngô Xuân Hào (03005)
1145	251HOS30604	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	13h30	16/03/2026	BPH005	Ngô Xuân Hào (03005)
1146	251HOS30605	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	3	13h30	16/03/2026	BPH005	Lý Liệt Thanh (60747)
1147	251HOS30606	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	13h30	16/03/2026	BPH005	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
1148	251HOS30607	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	13h30	16/03/2026	BPH005	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)
1149	251HOS30611	Tổng quan về quản trị khách sạn	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	1	13h30	16/03/2026	BPH005	Ngô Xuân Hào (03005)
1150	251HOS31501	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 60	2	13h30	19/03/2026	HEC509	Võ Đình Thuật (61030)
1151	251TRA31305	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tiểu luận	1		28/03/2026		Dương Văn Bình (61321)
1152	251POL10501	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	23/03/2026	DMT012	Trần Cường (60955)
1153	251POL10502	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	08h00	23/03/2026	DMT012	Trần Cường (60955)
1154	251POL10503	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	23/03/2026	DMT012	Đoàn Thị Huệ (05049)
1155	251POL10504	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	08h00	23/03/2026	DMT012	Đoàn Thị Huệ (05049)
1156	251POL10505	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	08h00	23/03/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
1157	251POL10506	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	23/03/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1158	251POL10507	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Khánh Hưng (61459)
1159	251POL10510	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1160	251POL10511	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Khánh Hưng (61459)
1161	251POL10512	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	08h00	23/03/2026	BMT004	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1162	251POL10513	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Trần Thị Huyền Trang (60786)
1163	251POL10514	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Trần Thị Huyền Trang (60786)
1164	251POL10515	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Quế Diệu (04043)
1165	251POL10518	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	08h00	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)
1166	251POL10519	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	08h00	23/03/2026	BMT004	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
1167	251POL10520	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	08h00	23/03/2026	BMT002	Hà Huyền Hoài Vân (60797)
1168	251POL10522	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	08h00	23/03/2026	BMT002	Đoàn Thị Huế (05049)
1169	251POL10525	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	23/03/2026	BMT002	Tô Thanh My (60497)
1170	251POL10526	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	23/03/2026	BMT004	Tô Thanh My (60497)
1171	251POL10527	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Trần Cường (60955)
1172	251POL10528	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1173	251POL10529	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Trần Cường (60955)
1174	251POL10531	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
1175	251POL10532	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	08h00	23/03/2026	BMT002	Phạm Thị Thùy (60849)
1176	251POL10533	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)
1177	251POL10534	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT002	Nguyễn Quế Diệu (04043)
1178	251POL10535	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)
1179	251POL10536	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT004	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)
1180	251POL10538	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	23/03/2026	BMT004	Đoàn Thị Huế (05049)
1181	251POL10540	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	BMT004	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)
1182	251POL10541	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	09h40	23/03/2026	BMT004	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)
1183	251POL10542	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	08h00	23/03/2026	BMT004	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)
1184	251POL10543	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	09h40	23/03/2026	BMT004	Đoàn Thị May (61493)
1185	251POL10544	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT004	Đoàn Thị May (61493)
1186	251POL10545	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	09h40	23/03/2026	BMT004	Phạm Thị Thùy (60849)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1187	251POL10546	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT002	Phạm Thị Thùy (60849)
1188	251POL10547	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	BMT002	Phạm Thị Thùy (60849)
1189	251POL10550	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	09h40	23/03/2026	BMT002	Hồ Ngọc Vinh (60899)
1190	251POL10552	Triết học Mác - Lênin	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT002	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
1191	251MMC30701	Truyền thông số	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Hồ Thị Ngọc Giàu (61235)
1192	251POL10901	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1193	251POL10902	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1194	251POL10903	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1195	251POL10904	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1196	251POL10905	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1197	251POL10906	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1198	251POL10907	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	15h10	17/03/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
1199	251POL10908	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	8	15h10	17/03/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1200	251POL10909	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	15h10	17/03/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1201	251POL10910	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	15h10	17/03/2026	BMT004	Tạ Trần Trọng (05003)
1202	251POL10911	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	15h10	17/03/2026	BMT004	Dương Đức Hưng (05005)
1203	251POL10912	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	15h10	17/03/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
1204	251POL10913	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	9	15h10	17/03/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
1205	251POL10914	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	15h10	17/03/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
1206	251POL10915	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	8	15h10	17/03/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
1207	251POL10916	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	15h10	17/03/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
1208	251POL10917	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	15h10	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
1209	251POL10918	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	15h10	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
1210	251POL10919	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	15h10	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
1211	251POL10920	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	15h10	17/03/2026	DMT011	Vô Thị Hồng Hiếu (61005)
1212	251POL10921	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	7	15h10	17/03/2026	DMT011	Vô Thị Hồng Hiếu (61005)
1213	251POL10922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	10	15h10	17/03/2026	DMT011	Nguyễn Minh Quân (61003)
1214	251POL10923	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	6	15h10	17/03/2026	DMT012	Trần Cường (60955)
1215	251POL10924	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	DMT012	Lâm Ngọc Linh (60901)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1216	251POL10925	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	8	15h10	17/03/2026	DMT012	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
1217	251POL10926	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	DMT012	Nguyễn Minh Quân (61003)
1218	251POL10927	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	2	15h10	17/03/2026	DMT012	Vũ Thị Hằng (61369)
1219	251POL10928	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	1	15h10	17/03/2026	DMT012	Vũ Thị Hằng (61369)
1220	251POL10929	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	5	15h10	17/03/2026	DMT012	Trần Đình Ánh (60931)
1221	251POL10930	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT012	Trần Đình Ánh (60931)
1222	251POL10931	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT012	Trần Đình Ánh (60931)
1223	251POL10932	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT019	Đặng Thị Minh Phượng (61050)
1224	251POL10933	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	DMT019	Đặng Thị Minh Phượng (61050)
1225	251POL10934	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT019	Vũ Thị Hằng (61369)
1226	251POL10935	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT019	Vũ Thị Hằng (61369)
1227	251POL10936	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	4	15h10	17/03/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1228	251POL10937	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1229	251POL10938	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trắc nghiệm	3	15h10	17/03/2026	DMT019	Bế Thị Thắm (61465)
1230	251LAW40701	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	25/03/2026	DPH020	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
1231	251LAW40702	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Tổng hợp	3	15h10	25/03/2026	DPH020	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
1232	251TRA43001	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	3	13h30	25/03/2026	BPH010	Phan Minh Châu (61148)
1233	251CHI44801	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)
1234	251CHI44802	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	1	09h40	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)
1235	251TOU31801	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	6	08h00	25/03/2026	BPH107	Du Quốc Đạo (60734)
1236	251TOU31802	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	08h00	25/03/2026	BPH107	Du Quốc Đạo (60734)
1237	251TOU31803	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	2	08h00	25/03/2026	BPH107	Phan Trần Tuyên (60059)
1238	251TOU31805	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	7	08h00	25/03/2026	BPH107	Phan Trần Tuyên (60059)
1239	251TOU31806	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	1	08h00	25/03/2026	BPH107	Phan Trần Tuyên (60059)
1240	251TOU31807	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	6	08h00	25/03/2026	BPH107	Du Quốc Đạo (60734)
1241	251TOU31808	Tuyển điểm du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Tự luận 90	10	08h00	25/03/2026	BPH107	Du Quốc Đạo (60734)
1242	251TOU30601	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	09h40	23/03/2026	BMT002	Ngô An (03111)
1243	251TOU30602	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	09h40	23/03/2026	BMT002	Ngô An (03111)
1244	251MMC41007	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	2		28/03/2026		Đào Thị Xuân Hường (60979)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1245	251MMC41016	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		28/03/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)
1246	251ACC30407	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Thực hành	1		23/03/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)
1247	251ACC30409	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Thực hành	4		23/03/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)
1248	251ACC30505	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán - Tài chính	Thực hành	1		24/03/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
1249	251HOS43203	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	16/03/2026	DMT012	Phan Trần Tuyên (60059)
1250	251SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	11	08h00	18/03/2026	BMT002	Du Quốc Đạo (60734)
1251	251SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	9	08h00	18/03/2026	BMT002	Du Quốc Đạo (60734)
1252	251SOS10204	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	6	08h00	18/03/2026	BMT002	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
1253	251SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	BMT004	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
1254	251SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	BMT004	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
1255	251SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	BMT004	Lê Dương Khắc Minh (60387)
1256	251SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	BMT004	Lê Dương Khắc Minh (60387)
1257	251SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	BMT004	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1258	251SOS10210	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	7	08h00	18/03/2026	BMT004	Dương Thị Loan (60190)
1259	251SOS10211	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	BMT004	Dương Thị Loan (60190)
1260	251SOS10212	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT010	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1261	251SOS10213	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT010	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1262	251SOS10214	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	DMT010	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1263	251SOS10215	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT010	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1264	251SOS10216	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT010	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1265	251SOS10217	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT010	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)
1266	251SOS10218	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
1267	251SOS10219	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
1268	251SOS10220	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1269	251SOS10221	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1270	251SOS10222	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1271	251SOS10223	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	6	08h00	18/03/2026	DMT010	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1272	251SOS10224	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)
1273	251SOS10226	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1274	251SOS10227	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT011	Hồ Văn Quốc (04129)
1275	251SOS10229	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT011	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1276	251SOS10230	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	DMT011	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
1277	251SOS10231	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT011	Huỳnh Hoàng Ba (60936)
1278	251SOS10233	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT011	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1279	251SOS10234	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT011	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
1280	251SOS10235	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT011	Đinh Thị Huê (61463)
1281	251SOS10236	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	7	08h00	18/03/2026	DMT011	Đinh Thị Huê (61463)
1282	251SOS10237	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT011	Nguyễn Thị Xuyên Thoại (61462)
1283	251SOS10238	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	DMT011	Đinh Thị Huê (61463)
1284	251SOS10239	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	5	08h00	18/03/2026	DMT012	Trần Thanh Tuấn (61167)
1285	251SOS10240	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT012	Trần Thanh Tuấn (61167)
1286	251SOS10241	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT012	Lê Anh Tuấn (60300)
1287	251SOS10242	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Lê Anh Tuấn (60300)
1288	251SOS10243	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Đinh Thị Huê (61463)
1289	251SOS10245	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	3	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1290	251SOS10246	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1291	251SOS10247	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT012	Nguyễn Thị Hồng (60547)
1292	251SOS10248	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Trần Thị Ngọc Lan (60836)
1293	251SOS10249	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1294	251SOS10250	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1295	251SOS10251	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1296	251SOS10252	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	8	08h00	18/03/2026	DMT012	Du Quốc Đạo (60734)
1297	251SOS10253	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
1298	251SOS10254	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
1299	251SOS10255	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Tiến Vinh (60861)
1300	251SOS10256	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	2	08h00	18/03/2026	DMT019	Huỳnh Hoàng Ba (60936)
1301	251SOS10257	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Vũ Nhật Tân (60852)
1302	251SOS10258	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Vũ Nhật Tân (60852)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1303	251SOS10259	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Trần Thị Ngọc Lan (60836)
1304	251SOS10260	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT019	Đinh Thị Huê (61463)
1305	251SOS10261	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT019	Đinh Thị Huê (61463)
1306	251SOS10262	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Mai Hữu Khôi (61498)
1307	251SOS10264	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	4	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Văn Gia Thụy (61137)
1308	251SOS10265	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Mạnh Tiến (61499)
1309	251SOS10266	Văn hiến Việt Nam	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch	Trắc nghiệm	1	08h00	18/03/2026	DMT019	Nguyễn Văn Gia Thụy (61137)
1310	251ENG49303	Văn hóa Anh - Mỹ	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tổng hợp	1	09h40	26/03/2026	DPH017	Nguyễn Trường Giang (60976)
1311	251JAP35301	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	12	09h40	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)
1312	251JAP35303	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	11	09h40	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)
1313	251JAP35305	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	12	09h40	19/03/2026	HEC605	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)
1314	251JAP48301	Văn học Nhật Bản	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngoại ngữ	Tiểu luận	1		28/03/2026		Phạm Thu Phượng (25049)
1315	251LIT33101	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	14	08h00	16/03/2026	BPH005	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
1316	251LIT33102	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	08h00	16/03/2026	BPH005	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
1317	251LIT31701	Văn học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	4	13h30	16/03/2026	BPH005	Lê Đình Khanh (04086)
1318	251LIT31702	Văn học Trung Quốc	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	13h30	16/03/2026	BPH005	Lê Đình Khanh (04086)
1319	251MMC30507	Văn học ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)
1320	251MMC30508	Văn học ứng dụng	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	1		28/03/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)
1321	251LIT33001	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	6	09h40	16/03/2026	BPH005	Hồ Văn Quốc (04129)
1322	251LIT33003	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	15	09h40	16/03/2026	BPH005	Hồ Văn Quốc (04129)
1323	251LIT32701	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	4		28/03/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
1324	251LIT32702	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tiểu luận	2		28/03/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
1325	251NAS20401	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	5	15h10	19/03/2026	HEC605	Đoàn Văn Thuần (61383)
1326	251NAS20402	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	1	15h10	19/03/2026	HEC605	Đoàn Văn Thuần (61383)
1327	251NAS20403	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	3	15h10	19/03/2026	HEC605	Đoàn Văn Thuần (61383)
1328	251NAS20404	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	5	15h10	19/03/2026	HEC605	Đoàn Văn Thuần (61383)
1329	251NAS20405	Vật lý đại cương	3.00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Tự luận 90	3	15h10	19/03/2026	HEC605	Đoàn Văn Thuần (61383)
1330	251NUR40501	Vì sinh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	3	15h10	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Phú Vinh (61028)
1331	251NUR40502	Vì sinh	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược	Trắc nghiệm	1	15h10	16/03/2026	BMT004	Nguyễn Phú Vinh (61028)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bậc đào tạo	Hệ đào tạo	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số sinh viên	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên dạy
1332	251PUR42501	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	4	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1333	251PUR42502	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1334	251PUR42503	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	5	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1335	251PUR42504	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1336	251PUR42505	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	4	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1337	251PUR42506	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	7	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1338	251PUR42507	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1339	251PUR42508	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	09h40	16/03/2026	BPH109	Phạm Thị Hương (04042)
1340	251PUR42509	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	09h40	16/03/2026	BPH109	Hồ Xuân Mai (04110)
1341	251PUR42510	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	2	09h40	16/03/2026	BPH109	Hồ Xuân Mai (04110)
1342	251PUR42511	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	3	09h40	16/03/2026	BPH109	Hồ Xuân Mai (04110)
1343	251PUR42512	Viết và biên tập tin	2.00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tự luận 60	1	09h40	16/03/2026	BPH109	Hồ Xuân Mai (04110)
1344	251INT449101	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3.00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	25/03/2026	BPH011	Dương Trọng Khang (60775)

Ghi chú:
- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
- Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi;
- **Sinh viên phải mang theo Thẻ Sinh viên hoặc Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;**
- Đối với các hình thức thi: báo cáo, bài tập lớn, biểu diễn, đồ án, khóa luận, thực hành, tiểu luận, Sinh viên nộp bài theo thời gian tại cột " Ngày thi ";
- Ngày dự kiến cập nhật điểm lên hệ thống là 10 ngày kể từ ngày Giảng viên nộp điểm về TT. KT&ĐBCL, Sinh viên thường xuyên vào Portal để kiểm tra các thông tin liên quan;
- Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐQT (để b/c);
- Các Khoa/Viện (để t/h);
- Các ban: QLĐT, QLCSVC, TC; TT. CSNH (để phối hợp t/h);
- Lưu VT, TT. KT&ĐBCL.

**TU. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà